



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2019
KHOA: TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M227	Bo lien ket song radio Trim450s	Bo	My	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	13M141	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M230-231	Kính lập thể	Cai	Nhat	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M314	Máy đo sâu hồi âm ch/x cao ODOM	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M312	Máy thủy bình điện tử DL101C	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M236-237	Máy toàn đạc TC-305	Cai	My	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M235	Trạm định vị vệ tinh GPS4600LS	Bo	My	2007	1	
011	BM Bản đồ	13M142	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
011	BM Bản đồ	14M146	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011	BM Bản đồ	14M168	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M156	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M093	Máy GPS một tần số L1/12 kênh, Trimble R3 (kèm phụ kiện)	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M125	Máy GPS một tần số L1/12 kênh hiệu Trimble R3	Bộ	LD	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M067	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	KT137	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1997	1	
012	Tổ máy trắc địa	17M111	Máy chinh chực 3 ống (tumua)	Cái	TQ	2017	1	
012	Tổ máy trắc địa	18M075a	Máy chinh tâm phát	Cái	TQ	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	07M207	Máy chinh tần số DS1100CEZ	Cai	HQ	2007	1	
012	Tổ máy trắc địa	11DA062-065	Máy định vị vệ độ chính xác cao TRIMBLER3	Cai	Mexico	2011	4	
012	Tổ máy trắc địa	04DA133-137	Máy kinh vĩ quang cơ 3T5KP	Bo	Nga	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	02M233-237	Máy kinh vĩ quang cơ THEO 020B	cai	Duc	2002	5	
012	Tổ máy trắc địa	99M180	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	99M181	Máy thủy bình Ni 004	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	00M049-056	Máy thủy bình FG040	Cai	Duc	2000	8	
012	Tổ máy trắc địa	01M254-255	Máy thủy bình FG-040	Cai	Duc	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	08M358-361	Máy thủy chuẩn NA2 Leica va pk	Bo	TQ	2008	4	
012	Tổ máy trắc địa	99M027-028	Máy thủy chuẩn Ni 004	Cai	Duc	1999	2	
012	Tổ máy trắc địa	15M007	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	ĐNA	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	06DA031	Máy toàn đạc điện tử GTS 336BN	Cai	TQ	2006	1	
012	Tổ máy trắc địa	09DA018-020	Máy toàn đạc điện tử GTS235N	Bo	Nhat	2009	3	
012	Tổ máy trắc địa	15M133	Tủ nhôm kính đặt máy trắc địa	Cái	VN	2015	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	13M303	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA092	Đầu phát Laser	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	98M110	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1998	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA095	Hệ gương động + Cố định	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA094	Hệ ray	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04M066	Máy định vị cầm tay	Bo	My	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	97M199-200	Máy định vị GPS Trimble 4600L	Cai	My	1997	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02M240	Máy định vị GPS Trimble 4600L	cai	My	2002	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA093	Máy giao thoa	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA096	Phần mềm đo giao thoa	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	94M044	TBi kiểm định thước inva 24m	Cai	Nga	1994	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	99M171	Thiết bị đo nhiệt	Cai		1999	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	96M122	Thiết bị kiểm định Inva 1m	Bo	Nga	1996	1	
014	BM Trắc địa Mô	15M156	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mô	09DA044	Máy tính xách tay Lenovo Thinkpad	Cai	TQ	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA048	Máy cho hướng Laser hầm lò	Cai	VN	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA046-047	Máy toàn đạc điện tử Laser đo hầm lò	Bo	Thuysy	2009	2	
014.1	PTN Trắc địa Mô	93M077	Mô hình vật liệu tương đương	Cai	VN	1993	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA045	Phần mềm lập bản đồ và klg Mo	Bo	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M285	Bai thực tập đa ngành Trac Dia	Bai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M059	Điều hòa Sumikura 18.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M058	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08M083	Máy chiếu projector panaso,man	Bo	Nhat	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13M031	Máy chủ IBM System x 3500 M4-BM ĐC	Chiếc	ĐNA	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	04TT060-061	Máy định vị GPS tan so don TĐCC	Cai	Nhat	2004	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M188	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16M008	Máy tính G3250 LCD 19" HP (Hà)	Bộ	ĐNA	2016	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA120	Hệ thống phần mềm đo ảnh Hexagon Geospatial Educational Desktop Core Level 2 (15 seats)	Bộ	Anh	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA124	Máy quét Laser 3D Faro FOCUS 3D X130	Chiếc	Đức	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA067-068	Máy thủy chuẩn loại 1 Trimble DiNi 0.7	Chiếc	Đức	2017	2	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA073-089	Máy thủy chuẩn loại 3 Topcon AT-B3A/x	Chiếc	TQ	2017	17	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA069-072	Máy thủy chuẩn loại Topcon/Sokkia 2 SDL50	Chiếc	Nhật bản	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA110-119	Máy tính chuyên dụng phục vụ công tác đo đạc ảnh HP Z240	Bộ	Singapo	2017	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA090-109	Máy tính phục vụ đào tạo HP Pavilion 570-p0211 (Z8H79AA)	Bộ	TQ	2017	20	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA122	Máy tính xách tay đồ họa chuyên dụng HP Zbook 17 G3 (M9L94AV)	Bộ	TQ	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA049-053	Máy toàn đạc điện tử loại 1 Trimble M1	Chiếc	Nhật bản	2017	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA054-062	Máy toàn đạc điện tử loại 2 Sokkia CX-55/SG	Chiếc	Nhật bản	2017	9	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA063-066	Máy toàn đạc điện tử loại 3 Leica TS06 plus-5' R500	Chiếc	Singapo	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA123	Máy trạm workstation để xử lý dữ liệu trong phòng HP Z240 (L8T12AV)	Bộ	Singapo	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA121	UAV loại cất cánh thẳng Trimble ZX5	Bộ	Đức	2017	1	
016	BM Trắc địa công trình	02M058	Điều hòa từ LG-44000BTU	Cai	VN	2002	1	
016	BM Trắc địa công trình	13M304	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M153	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M095	Máy chiếu đứng	Cai	Thuy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA066	Máy định vị vệ tinh DGP STRIMBLE SPS531	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M094	Máy đo dai	Cai	Thuy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA067	Máy đo sâu hồi âm 1 tần số ODOM	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M191	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	15M186	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	02DA241	Máy toàn đạc điện tử TCR705	cai	Thuy si	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	06DA352	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
017	BM Trắc địa phổ thông	13M143	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M264	Máy vi tính Acer Mo 15"	Bo	DNA	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	05M145	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	99M173	Bai thuc tap TDPT	Bai	VN	1999	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	96M166	Ban so hoa Calcom A1	Cai	My	1996	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M087	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis 2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M086	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis1	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	97M147	Chan ban so hoa	Cai	My	1997	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06DA353	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M092	Máy chiếu projectorSonyVPLCX12	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M089	Máy chủ IBM X3650	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA191	Máy định vị Trimble R7	Bo	My	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA194	Máy GPS cam tay	Cai	Mexico	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M091	Máy in mau kho Ao HP D500C7770	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M095	Máy thuy binh so DL101C	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA193	Máy tính xách tay Dell	Cai	Malaixia	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA195	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapor	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA204	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M090	Máy tính xách tay ThinkpadT400	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M096	Máy toan dac dien tu GPT 7502	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA192	Máy toan dac dien tu TrimbleS6	Bo	My-Duc	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA199-201	Máy vi tính chuyên dung	Bo	DNA	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M093	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA196	Phần mềm thành lập bản đồ	Bo	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M088	Phần mềm Web-Gis IM9.2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA197	Thiết bị mạng	Bo	TQ	2007	1	
018	BM Địa chính	95M079	Điều hòa 2 cục 1 chieu Nationa	Cai	Nhat	1995	1	
018	BM Địa chính	15M105	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Cái	VN	2015	1	
018	BM Địa chính	13M140	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
018	BM Địa chính	02DA249	Máy in mau kho Ao	cai	Singapo	2002	1	
018	BM Địa chính	99M182	Máy quét GT12000+CD write	Cai		1999	1	
018	BM Địa chính	15M182	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
018	BM Địa chính	09M010	Máy vi tính DELL	Bo	TQ	2009	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M105	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M129	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M141	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M152	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M189	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	02M196	Máy toàn đạc điện tử GTS-229	cai	Nhat	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M159	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	11DA080	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA339	Bộ nguồn cung cấp FME00	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14M236	Bộ thiết bị thí nghiệm thủy lực	Bộ		2014	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA340	Bo TN Dap tran FME02	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA077	Camera ky thuat so EC3	Cai	Sigapore	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA076	Kính hiển vi kim tương DM2500Leica	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA078	Máy đo độ cứng vi te baoHV1000	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M056	Máy in 3D NP/QK MID	Cái	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA079	Máy mài và đánh bóng kim loại A3HA	Cai	Dailoan	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M055	Máy phay CNC Mini UH5052 - V1	Máy	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M024	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA342	TB đo tổn thất cục bộ FME05	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA344	TB đo tổn thất dọc đường FME07	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA341	TB TN Ptring Becnulli FME03	Bo	TBN	2005	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA343	TB TN Reynold FME06	Bo	TBN	2005	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
010	BM Đo ảnh viễn thám	17C350-353	Bàn 1,2m HP	Cái	VN	2017	4	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C196	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C485	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C298-303	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS003	Ban vi tinh fooc	Cai	VN		1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M228	Bo acquy 6AH	Bo	Nhat	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C089-102	Bo luu du lieu anh so HNoi	Bo	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10C654-663	Ghe gap			2010	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	12C128-137	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C791-796	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS013	Ghe tua xoay	Cai			1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C459	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C195	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C470	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	09C316	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G058	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	Vn	2003	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G035	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M348	Ban lam viec co trung	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C651-660	Bình đồ ảnh	T	VN	2012	10	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C647-650	Màn hình CRT Dell 17"	Chiếc	VN	2012	4	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M306	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M307	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	10BS001	Tu sat canh kinh	Cai	VN		1	
011	BM Bàn đồ	14C986	Bản hợp	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bàn đồ	15C070	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14C981-983	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bàn đồ	14C1201-1203	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bàn đồ	15C071-076	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
011	BM Bàn đồ	15C894	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
011	BM Bàn đồ	08C150-155	Ghe gap	Cai	VN	2008	6	
011	BM Bàn đồ	14C1019-1033	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
011	BM Bàn đồ	14C1191-1200	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
011	BM Bàn đồ	03G066	Ghe tua Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	10	
011	BM Bàn đồ	14C1256-1257	Ghế xoay	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bàn đồ	15C078	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14M169	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
011	BM Bàn đồ	15M201	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
011	BM Bàn đồ	16M189	Máy in màu Cannon Pixma IX6770	Chiếc	Thái Lan	2016	1	
011	BM Bàn đồ	08M150	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
011	BM Bàn đồ	01M074	On ap Lioa	Cai	VN	2001	1	
011	BM Bàn đồ	15C077	Tủ kính	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14C993	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bàn đồ	04G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
011	BM Bàn đồ	10C498	Tu sat 8 canh			2010	1	
011	BM Bàn đồ	14C994-995	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bàn đồ	11C216	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
011	BM Bàn đồ	02G010	Tu sat canh mo	cai	VN	2002	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	14M126	Máy định vị vệ tinh GPS Map 62	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	18M068	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	03G037	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C347	Ban chinh may may kinh vi	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C006	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
012	Tổ máy trắc địa	15C439	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C408-409	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C035	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C120	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	05G027	Ban sũa chua may	Cai	VN	2005	1	
012	Tổ máy trắc địa	04G020	Ban vi tinh	Cai	Vn	2004	2	
012	Tổ máy trắc địa	01C063	Bo dung cu sũa may trac địa	bo	VN	2001	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C310-313	Cáp trứ t số liệu	Cái		2012	4	
012	Tổ máy trắc địa	10C801-805	Chan may kinh vi go Nga	Cai	Nga	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C796-800	Chan may kinh vi go TQ	Cai	TQ	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	09C375-384	Chan may thuy binh	Cai	TQ	2009	10	
012	Tổ máy trắc địa	08C276-286	Chan may thuy chuan	Cai	TQ	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15M086	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	02C028	Dieu khien dieu hoa	cai	LD	2002	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C526-535	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15C427-438	Ghế gáp	Cái	VN	2015	12	
012	Tổ máy trắc địa	08C800	Gia sat	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C318-323	Hòm may 3T5K bang go	Cai	TQ	2008	15	
012	Tổ máy trắc địa	07C073-080	Hòm may Ni004	Cai	TQ	2007	8	
012	Tổ máy trắc địa	03C140	Khoan dien cam tay	Cai	Duc	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	13M130	Máy hút âm Aikyo	Bộ	ĐNA	2013	1	
012	Tổ máy trắc địa	16M224	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2016	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M111	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M112	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	95M180-182	May Kinh vi Theo 020B	Cai		1995	3	
012	Tổ máy trắc địa	10C816	May mai kim loai	Cai	TQ	2010	1	
012	Tổ máy trắc địa	04DA097-101	May thuy chuan FG040	Bo	Duc	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C806-815	O che may	Cai	VN	2010	10	
012	Tổ máy trắc địa	00M247	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
012	Tổ máy trắc địa	01M048-049	Quat cay Vinawind	Cai	VN	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	13C368-371	Quạt trần		VN	2013	4	
012	Tổ máy trắc địa	15C382	Quạt treo tường Điện cơ Thống nhất	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C314-315	Sào gương, túi sào gương, ống thủy, quả gương, túi gương	Bộ		2012	2	
012	Tổ máy trắc địa	07C097-101	Thuoc thep	Cai	TQ	2007	4	
012	Tổ máy trắc địa	00G029	Tu de may khung nhôm	Cai	VN	2000	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G051	Tu dung dung cu thi nghiem	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C121-122	Tủ kính	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G038	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C639-640	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C007-009	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
012	Tổ máy trắc địa	08C192	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C475	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C644-645	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	05G017	Tu sat nhieu ngan	Cai	VN	2005	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C256	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C188-189	Cáp cáp diem ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	08C719-723	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C044-053	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
013	BM Trắc địa cao cấp	09TT002-003	May dinhvi GPS2tangTopconGP100	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	02M084	May va duong day dien thoai	Bo	VN	2002	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	20M227	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C190-192	Pin cáp dien ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	3	
013	BM Trắc địa cao cấp	99G032	Tu ho so go	Cai	VN	1999	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013	BM Trắc địa cao cấp	03G036	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	17C050-069	Bản ghế học sinh	Bộ	VN	2017	20	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	16C1104-1118	Ghế gấp	cái	VN	2016	15	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02C023-026	Gia sat de thiet bi kiem dinh	cai	VN	2002	4	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	01M187	Máy đo sau hoi am	Cai	Nhat	2001	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M115	Nguồn on ap	Bo	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	92M006	Thuoc Inva	Bo	Nga	1992	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M121	Tu sat	Cai	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	08C177	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G036	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G160	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
014	BM Trắc địa Mô	14C944-949	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	6	
014	BM Trắc địa Mô	12C482	Bản làm việc 1,4m	Cái	VN	2012	1	
014	BM Trắc địa Mô	08C703-707	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
014	BM Trắc địa Mô	10C595-604	Ghe gap			2010	10	
014	BM Trắc địa Mô	15M169	Máy in đa năng Canon MF211	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mô	01M004	Máy va dương dạy diện thoại	Cai	VN	2001	1	
014	BM Trắc địa Mô	08C685	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mô	14C935	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mô	10C924	Tu sat 2 canh kính	Cai	VN	2010	1	
014	BM Trắc địa Mô	14C936	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mô	08C469	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mô	10C502	Tu sat 8 canh			2010	1	
014	BM Trắc địa Mô	12C495	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	13C940-949	Ghế gấp	Cái	VN	2013	10	
014.1	PTN Trắc địa Mô	07C130-133	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2007	2	
014.1	PTN Trắc địa Mô	95G056	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1995	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C182	Bàn họp	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C257	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C179-180	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G056	Ban lam viec fooc	Cai	VN	2000	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	05BS004	Ban lam viec go	Cai			1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20G051BS	Ban lam viec Ovan	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C003	Ban lam viec TP 1,6m	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G132	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C181	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C497	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C049-055	Bảng tin ghim 1,27x2,36	Cái	VN	2016	7	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M022	Bộ salon gỗ	Bộ	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C689	Điện thoại KXTSC11	Cái	ĐNA	2015	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M031	Dương dạy diện thoại	Bo	VN	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C011	Ghe da TP	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042C	Ghe gap	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G230-234	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C516-525	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C054-063	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C664-673	Ghe gap			2010	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C704-713	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G235	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C786-788	Ghế xoay	Cái	VN	2015	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	06G024-5C	Gia sach sat to	Cai	VN	2006	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M013	Man chieu 3 chan	Cai	Halan	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C011	Man chieu 3 chan Herin	Cai	DNA	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C088	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M076	Máy chiếu HP-A11	Cai	TQ	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M135	Máy chủ vi tính DTC	Bo	VN	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10M037	Máy in Cannon MF4320D	Cai	TQ	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M130	Máy in đa năng C70 Canon-T9	Cai	Nhat	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C103	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M229	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M204	Quạt cay dien co VINAWIND	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C328-	Quạt cây vinawind	Chiếc	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C127-128	Tủ sắt	Cái	VN	2015	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C178	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C671	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C124	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C119-121	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2013	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14C583-584	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C495	Tu sat canh kinh-T10			2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G042	Tu sat canh kinh-T9	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C310	Tu sat kinh	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G014B	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042A	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C649-653	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M028	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C666-675	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M016	Máy in đa năng Canon MF241D	chiếc	HQ	2018	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C985	Bàn họp	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	07G115-116	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C597-598	Bàn làm việc 1,2 m	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C980	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	04G019	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	1	
016	BM Trắc địa công trình	15C895	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C674-678	Ghe gap			2010	5	
016	BM Trắc địa công trình	14C632-633	Ghế gấp	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C1001-1012	Ghế gấp	Cái	VN	2014	12	
016	BM Trắc địa công trình	01M008	Máy va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
016	BM Trắc địa công trình	00M246	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C581-582	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C989-990	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	10C501	Tu sat 8 canh			2010	1	
016	BM Trắc địa công trình	12C584	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C490	Tu sat canh kinh			2010	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	07C124-126	Gia guong 3 chan	Cai	Thuy sy	2007	3	
016.1	PTN Trắc địa công trình	05M127-128	Guong don MPU5A	Cai	Nhat	2005	2	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050	Máy đo sau PS-7FL	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050B	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11C217	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C484	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS004-005	Ban lam viec 1 thung go dan	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	14C657-658	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS003	Ban lam viec fooc	Cai			1	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS007	Ban vi tinh	Cai			2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C212	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03G020-021	Ban vi tinh fooc	cai	VN	2003	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	09C064-073	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	10C749-753	Ghe gap			2010	5	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
017	BM Trắc địa phổ thông	12C714-723	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS009	Ghe tua go	Cai	VN	2000	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS004-006	Ghe tua go	Cai	VN		3	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083B	Máy điện thoại	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	15M188	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03DA154	Máy in Laser HP1300	Cai	DNA	2003	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M153	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông		Tủ sắt 18 cánh	cai	VN	2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C672	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	04G024	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	00G041	Tu sat cao 2 m	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M076	Tủ thiết bị văn phòng	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G169-170	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G084-085	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G171-173	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G099	Bang fooc	Cai	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M094	Bo luu dien UPS Santak 1KV	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G086-096	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G097-098	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA198	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	Cai	TQ	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06C055	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	05BS006	Quat tran	Cai	VN		1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	17BS010	Quat tran	Cai			1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03BS001	Tu dung go 2 buong	Cai	VN	2000	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03G059	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G174-176	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	3	
018	BM Địa chính	07C111-112A	Chan de guong nhôm	Cai	TQ	2007	2	
018	BM Địa chính	07C107-108	De guong co doi tam	Cai	Nhat	2007	2	
018	BM Địa chính	07G154-158	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
018	BM Địa chính	17M026	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2017	1	
018	BM Địa chính	08C468	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
018	BM Địa chính	07G112	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2007	1	
018	BM Địa chính	07G159	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M114-116	Bộ nạp pin cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C827-829	Chân máy bằng nhôm cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C830-832	Đế máy có dọi tâm quang học cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1218-1232	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	98M096	Máy đo diện tích	Cai		1998	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M111-113	Pin trong cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1423	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	16M228	Bàn hợp ovan mặt kính	Cái	VN	2016	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C197-198	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C235-237	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C086	Bàn TP 2m chữ L có hộc	Cái	VN	2019	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G136	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C199	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C502	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C734-738	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15C946-957	Ghế gấp	Cái	VN	2016	12	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G288	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C692	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C238-241	Ghế xoay HP	Cái	VN	2019	4	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15M031	Máy in Canon 6200d	Bộ	ĐNA	2015	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M022	Máy in đa năng canon 3010	Cái	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	02M131	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C487-488	Quạt cây vinawind	cái	VN	2014	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	12C681	Tủ kính	Cái	VN	2012	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C232-234	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	04G033	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C458	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	09C321	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	03C181-182	Ban sat thi nghiem	Cai	VN	2003	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C360	Bơm pittong hướng trục A10VG	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C359	Bơm pittong hướng trục A4V	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C361	Bơm pittong hướng trục nghiêng	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M060-061	Giá sắt 5 tầng	Chiếc	VN	2017	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C955	Hộp giảm tốc khai triển 2 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C956	Hộp giảm tốc trục vít 1 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	889	Kính hiển vi PME	Cai	Nhat	1976	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	882	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1970	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	883	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	884	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C292	Máy cắt Etop - SL355 (tủ mua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C294	Máy hàn BTEC - MMA200 (tủ mua)	Máy	Nhật Bản	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M124	Máy khoan bàn Hồng Ký - KC10 (tủ mua)	Máy	VN	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C293	Máy mài cầm tay Etop - XH9101 (tủ mua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11M053	Máy vi tính E5500	Bo	DNA	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C357	Thùng dầu hoàn thiện (Thùng dầu, bơm, động cơ, van)	Bộ	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C362	Tủ bảo vệ kính hiển vi	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C358	Tủ điện điều khiển	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14C643	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2020
KHOA: TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M227	Bo lien ket song radio Trim450s	Bo	My	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	13M141	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M230-231	Kính lập thể	Cai	Nhat	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M314	Máy đo sâu hồi âm ch/x cao ODOM	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M312	Máy thủy bình điện tử DL101C	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M236-237	Máy toàn đạc TC-305	Cai	My	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M235	Trạm định vị vệ tinh GPS4600LS	Bo	My	2007	1	
011	BM Bản đồ	13M142	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
011	BM Bản đồ	14M146	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011	BM Bản đồ	14M168	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M156	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M093	Máy GPS một tần số L1/12 kênh, Trimble R3 (kèm phụ kiện)	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M125	Máy GPS một tần số L1/12 kênh hiệu Trimble R3	Bộ	LD	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M067	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	KT137	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1997	1	
012	Tổ máy trắc địa	17M111	Máy chinh chực 3 ống (tumua)	Cái	TQ	2017	1	
012	Tổ máy trắc địa	18M075a	Máy chinh tâm phát	Cái	TQ	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	07M207	Máy chinh tần số DS1100CEZ	Cai	HQ	2007	1	
012	Tổ máy trắc địa	11DA062-065	Máy định vị vệ độ chính xác cao TRIMBLER3	Cai	Mexico	2011	4	
012	Tổ máy trắc địa	04DA133-137	Máy kinh vĩ quang cơ 3T5KP	Bo	Nga	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	02M233-237	Máy kinh vĩ quang cơ THEO 020B	cai	Duc	2002	5	
012	Tổ máy trắc địa	99M180	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	99M181	Máy thủy bình Ni 004	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	00M049-056	Máy thủy bình FG040	Cai	Duc	2000	8	
012	Tổ máy trắc địa	01M254-255	Máy thủy bình FG-040	Cai	Duc	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	08M358-361	Máy thủy chuẩn NA2 Leica va pk	Bo	TQ	2008	4	
012	Tổ máy trắc địa	99M027-028	Máy thủy chuẩn Ni 004	Cai	Duc	1999	2	
012	Tổ máy trắc địa	15M007	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	ĐNA	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	20M071	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	06DA031	Máy toàn đạc điện tử GTS 336BN	Cai	TQ	2006	1	
012	Tổ máy trắc địa	09DA018-020	Máy toàn đạc điện tử GTS235N	Bo	Nhat	2009	3	
012	Tổ máy trắc địa	20M060	Mĩa Invar (3m)	Đôi	Mỹ	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	15M133	Tủ nhôm kính đặt máy trắc địa	Cái	VN	2015	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	13M303	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA092	Đầu phát Laser	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	98M110	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1998	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA095	Hệ gương động + Cố định	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA094	Hệ ray	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04M066	Máy định vị cầm tay	Bo	My	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	97M199-200	Máy định vị GPS Trimble 4600L	Cai	My	1997	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02M240	Máy định vị GPS Trimble 4600L	cai	My	2002	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA093	Máy giao thoa	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA096	Phần mềm đo giao thoa	Bo	Nga	2004	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	94M044	TBi kiểm định thước inva 24m	Cai	Nga	1994	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	99M171	Thiết bị đo nhiệt	Cai		1999	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	96M122	Thiet bi kiem dinh Inva 1m	Bo	Nga	1996	1	
014	BM Trắc địa Mô	15M156	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mô	09DA044	Máy tính xách tay Lenovo Thinkpad	Cai	TQ	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA048	Máy cho hướng Laser hầm lò	Cai	VN	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA046-047	Máy toàn đạc điện tử Laser đo hầm lò	Bo	Thuysy	2009	2	
014.1	PTN Trắc địa Mô	93M077	Mô hình vật liệu tương đương	Cai	VN	1993	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA045	Phần mềm lập bản đồ và klg Mo	Bo	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M285	Bai thuc tap da nganh Trac Dia	Bai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M059	Điều hòa Sumikura 18.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M058	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08M083	Máy chiếu projector panaso,man	Bo	Nhat	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13M031	Máy chủ IBM System x 3500 M4-BM ĐC	Chiếc	ĐNA	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	04TT060-061	Máy định vị GPS tan so don TĐCC	Cai	Nhat	2004	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M188	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16M008	Máy tính G3250 LCD 19" HP (Hà)	Bộ	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M068	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA120	Hệ thống phần mềm đo ảnh Hexagon Geospatial Educational Desktop Core Level 2 (15 seats)	Bộ	Anh	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA124	Máy quét Laser 3D Faro FOCUS 3D X130	Chiếc	Đức	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA067-068	Máy thủy chuẩn loại 1 Trimble DiNi 0.7	Chiếc	Đức	2017	2	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA073-089	Máy thủy chuẩn loại 3 Topcon AT-B3A/x	Chiếc	TQ	2017	17	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA069-072	Máy thủy chuẩn loại Topcon/Sokkia 2 SDL50	Chiếc	Nhật bản	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA110-119	Máy tính chuyên dụng phục vụ công tác đo đạc ảnh HP Z240	Bộ	Singapo	2017	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA090-109	Máy tính phục vụ đào tạo HP Pavilion 570-p0211 (Z8H79AA)	Bộ	TQ	2017	20	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA122	Máy tính xách tay đồ họa chuyên dụng HP Zbook 17 G3 (M9L94AV)	Bộ	TQ	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA049-053	Máy toàn đạc điện tử loại 1 Trimble M1	Chiếc	Nhật bản	2017	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA054-062	Máy toàn đạc điện tử loại 2 Sokkia CX-55/SG	Chiếc	Nhật bản	2017	9	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA063-066	Máy toàn đạc điện tử loại 3 Leica TS06 plus-5' R500	Chiếc	Singapo	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA123	Máy trạm workstation để xử lý dữ liệu trong phòng HP Z240 (L8T12AV)	Bộ	Singapo	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA121	UAV loại cất cánh thẳng Trimble ZX5	Bộ	Đức	2017	1	
016	BM Trắc địa công trình	02M058	Điều hòa tủ LG-44000BTU	Cai	VN	2002	1	
016	BM Trắc địa công trình	13M304	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M153	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M095	Máy chiếu đứng	Cai	Thuy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA066	Máy định vị vệ tinh DGP STRIMBLE SPS531	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M094	Máy đo dài	Cai	Thuy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA067	Máy đo sâu hồi âm 1 tần số ODOM	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M191	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
016.1	PTN Trắc địa công trình	15M186	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	02DA241	Máy toàn đạc điện tử TCR705	cai	Thụy sĩ	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	06DA352	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	13M143	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	20M067	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M264	Máy vi tính Acer Mo 15"	Bo	DNA	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	05M145	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	99M173	Bai thuc tap TDPT	Bai	VN	1999	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	96M166	Ban so hoa Calcom A1	Cai	My	1996	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M087	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis 2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M086	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis1	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	97M147	Chan ban so hoa	Cai	My	1997	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06DA353	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M092	Máy chiếu projectorSonyVPLCX12	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M089	Máy chủ IBM X3650	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA191	Máy định vị Trimble R7	Bo	My	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA194	Máy GPS cam tay	Cai	Mexico	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M091	Máy in mau kho Ao HP D500C7770	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M095	Máy thủy bình so DL101C	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA193	Máy tính xách tay Dell	Cai	Malaixia	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA195	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA204	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M090	Máy tính xách tay ThinkpadT400	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M096	Máy toan dac dien tu GPT 7502	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA192	Máy toan dac dien tu TrimbleS6	Bo	My-Duc	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA199-201	Máy vi tính chuyên dụng	Bo	DNA	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M093	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA196	Phần mềm thành lập bản đồ	Bo	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M088	Phần mềm Web-Gis IM9.2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA197	Thiết bị mạng	Bo	TQ	2007	1	
018	BM Địa chính	95M079	Điều hòa 2 cục 1 chiều Nationa	Cai	Nhat	1995	1	
018	BM Địa chính	15M105	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Cái	VN	2015	1	
018	BM Địa chính	13M140	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
018	BM Địa chính	02DA249	Máy in mau kho Ao	cai	Singapo	2002	1	
018	BM Địa chính	99M182	Máy quét GT12000+CD write	Cai		1999	1	
018	BM Địa chính	15M182	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
018	BM Địa chính	09M010	Máy vi tính DELL	Bo	TQ	2009	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M105	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M129	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M141	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M152	Điều hòa Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M189	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	02M196	Máy toàn đạc điện tử GTS-229	cai	Nhat	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M159	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	11DA080	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA339	Bộ nguồn cung cấp FME00	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14M236	Bộ thiết bị thí nghiệm thủy lực	Bộ		2014	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA340	Bo TN Dap tran FME02	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA077	Camera ky thuat so EC3	Cai	Sigapore	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA076	Kính hiển vi kim tương DM2500Leica	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20M075	Máy cắt plasma mini Jasic CUT 60	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA078	Máy đo độ cứng vi te baoHV1000	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M056	Máy in 3D NP/QK MID	Cái	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA079	Máy mài và đánh bóng kim loại A3HA	Cai	Dailoan	2011	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M055	Máy phay CNC Mini UH5052 - V1	Máy	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M024	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA342	TB đo tổn thất cục bộ FME05	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA344	TB đo tổn thất dọc dòng FME07	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA341	TB TN Ptrinh Becnulli FME03	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA343	TB TN Reynold FME06	Bo	TBN	2005	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
010	BM Đo ảnh viễn thám	17C350-353	Bàn 1,2m HP	Cái	VN	2017	4	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C196	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C485	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C298-303	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS003	Ban vi tinh fooc	Cai	VN		1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M228	Bo acquy 6AH	Bo	Nhat	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C089-102	Bo luu du lieu anh so HNoi	Bo	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10C654-663	Ghe gap			2010	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	12C128-137	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C791-796	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS013	Ghe tua xoay	Cai			1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C459	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C195	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C470	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	09C316	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G058	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	Vn	2003	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G035	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M348	Ban lam viec co trung	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C651-660	Bình đồ ảnh	T	VN	2012	10	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C647-650	Màn hình CRT Dell 17"	Chiếc	VN	2012	4	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M306	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M307	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	10BS001	Tu sat canh kinh	Cai	VN		1	
011	BM Bán đồ	14C986	Bàn họp	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bán đồ	15C070	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bán đồ	14C981-983	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bán đồ	14C1201-1203	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bán đồ	15C071-076	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
011	BM Bán đồ	15C894	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
011	BM Bán đồ	08C150-155	Ghe gap	Cai	VN	2008	6	
011	BM Bán đồ	14C1019-1033	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
011	BM Bán đồ	14C1191-1200	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
011	BM Bán đồ	03G066	Ghe tua Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	10	
011	BM Bán đồ	14C1256-1257	Ghế xoay	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bán đồ	15C078	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bán đồ	14M169	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
011	BM Bán đồ	15M201	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
011	BM Bán đồ	16M189	Máy in màu Cannon Pixma IX6770	Chiếc	Thái Lan	2016	1	
011	BM Bán đồ	08M150	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
011	BM Bán đồ	01M074	On ap Lioa	Cai	VN	2001	1	
011	BM Bán đồ	15C077	Tủ kính	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bán đồ	14C993	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bán đồ	04G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
011	BM Bán đồ	10C498	Tu sat 8 canh			2010	1	
011	BM Bán đồ	14C994-995	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bán đồ	11C216	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
011	BM Bán đồ	02G010	Tu sat canh mo	cai	VN	2002	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M126	Máy định vị vệ tinh GPS Map 62	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M068	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	03G037	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C347	Ban chinh may may kinh vi	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C006	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C439	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C408-409	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C035	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C120	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	05G027	Ban sua chua may	Cai	VN	2005	1	
012	Tổ máy trắc địa	04G020	Ban vi tinh	Cai	Vn	2004	2	
012	Tổ máy trắc địa	01C063	Bo dung cu sua may trac dia	bo	VN	2001	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C310-313	Cấp trút số liệu	Cái		2012	4	
012	Tổ máy trắc địa	10C801-805	Chan may kinh vi go Nga	Cai	Nga	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C796-800	Chan may kinh vi go TQ	Cai	TQ	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	09C375-384	Chan may thuy binh	Cai	TQ	2009	10	
012	Tổ máy trắc địa	08C276-286	Chan may thuy chuan	Cai	TQ	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15M086	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	02C028	Dieu khien dieu hoa	cai	LD	2002	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C526-535	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15C427-438	Ghế gấp	Cái	VN	2015	12	
012	Tổ máy trắc địa	08C800	Gia sat	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C318-323	Hom may 3T5K bang go	Cai	TQ	2008	15	
012	Tổ máy trắc địa	07C073-080	Hom may Ni004	Cai	TQ	2007	8	
012	Tổ máy trắc địa	03C140	Khoan dien cam tay	Cai	Duc	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	13M130	Máy hút âm Aikyo	Bộ	ĐNA	2013	1	
012	Tổ máy trắc địa	16M224	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2016	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M111	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M112	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	95M180-182	May Kinh vi Theo 020B	Cai		1995	3	
012	Tổ máy trắc địa	10C816	May mai kim loai	Cai	TQ	2010	1	
012	Tổ máy trắc địa	04DA097-101	May thuy chuan FG040	Bo	Duc	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C806-815	O che may	Cai	VN	2010	10	
012	Tổ máy trắc địa	00M247	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
012	Tổ máy trắc địa	01M048-049	Quat cay Vinawind	Cai	VN	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	13C368-371	Quạt trần		VN	2013	4	
012	Tổ máy trắc địa	15C382	Quạt treo tường Điện cơ Thống nhất	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C314-315	Sào gương, túi sào gương, ống thủy, quả gương, túi gương	Bộ		2012	2	
012	Tổ máy trắc địa	07C097-101	Thuoc thep	Cai	TQ	2007	4	
012	Tổ máy trắc địa	00G029	Tu de may khung nhôm	Cai	VN	2000	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G051	Tu dung dung cu thi nghiem	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C121-122	Tủ kính	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G038	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C639-640	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C007-009	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
012	Tổ máy trắc địa	08C192	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C475	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C644-645	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	05G017	Tu sat nhieu ngan	Cai	VN	2005	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C256	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C188-189	Cap cap diem ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	08C719-723	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C044-053	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013	BM Trắc địa cao cấp	09TT002-003	Máy định vị GPS2tangTopconGP100	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	02M084	Máy và dụng cụ điện thoại	Bo	VN	2002	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	20M227	On áp Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C190-192	Pin cấp điện ngoài cho máy GTS	Bo	Nhat	2004	3	
013	BM Trắc địa cao cấp	99G032	Tủ hồ sơ gỗ	Cai	VN	1999	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	03G036	Tủ sắt cao 2m	cai	VN	2003	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	17C050-069	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	20	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	16C1104-1118	Ghế gấp	cái	VN	2016	15	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02C023-026	Gia sắt để thiết bị kiểm định	cai	VN	2002	4	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	01M187	Máy đo sâu hồi âm	Cai	Nhat	2001	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M115	Nguồn on áp	Bo	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	92M006	Thuốc Inva	Bo	Nga	1992	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M121	Tủ sắt	Cai	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	08C177	Tủ sắt 2 cánh	Cai	VN	2008	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G036	Tủ tài liệu sắt	Cai	VN	2007	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G160	Tủ tài liệu sắt	Cai	VN	2007	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C944-949	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	6	
014	BM Trắc địa Mỏ	12C482	Bàn làm việc 1,4m	Cái	VN	2012	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C703-707	Ghế gấp	Cai	VN	2008	5	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C595-604	Ghế gấp			2010	10	
014	BM Trắc địa Mỏ	15M169	Máy in đa năng Canon MF211	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	01M004	Máy và dụng cụ điện thoại	Cai	VN	2001	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C685	Tủ sắt 2 cánh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C935	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C924	Tủ sắt 2 cánh kính	Cai	VN	2010	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C936	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C469	Tủ sắt 8 cánh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C502	Tủ sắt 8 cánh			2010	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	12C495	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	13C940-949	Ghế gấp	Cái	VN	2013	10	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	07C130-133	Thuốc thép 50m	Cai	Nhat	2007	2	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	95G056	Tủ đựng cao 2m	Cai	VN	1995	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C182	Bàn họp	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C257	Bàn họp to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C179-180	Bàn làm việc	Cai	VN	2008	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C390	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G056	Bàn làm việc fooc	Cai	VN	2000	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	05BS004	Bàn làm việc gỗ	Cai			1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20G051BS	Bàn làm việc Ovan	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C003	Bàn làm việc TP 1,6m	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G132	Bàn vi tính	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C181	Bàn vi tính	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C497	Bàn vi tính	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C049-055	Bảng tin ghim 1,27x2,36	Cái	VN	2016	7	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M022	Bộ salon gỗ	Bộ	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C689	Điện thoại KXTSC11	Cái	ĐNA	2015	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M031	Dụng cụ điện thoại	Bo	VN	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C011	Ghế da TP	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C391	Ghế da TP HP	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042C	Ghế gấp	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G230-234	Ghế gấp	Cai	VN	2007	5	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C516-525	Ghế gấp	Cai	VN	2008	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C054-063	Ghế gấp	Cai	VN	2009	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C664-673	Ghế gấp			2010	10	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C704-713	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G235	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C786-788	Ghế xoay	Cái	VN	2015	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	06G024-5C	Gia sach sat to	Cai	VN	2006	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M013	Man chieu 3 chan	Cai	Halan	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C011	Man chieu 3 chan Herin	Cai	DNA	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C088	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M076	Máy chiếu HP-A11	Cai	TQ	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M135	Máy chủ vi tính DTC	Bo	VN	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10M037	Máy in Cannon MF4320D	Cai	TQ	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M130	Máy in đa năng C70 Canon-T9	Cai	Nhat	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C386-387	Máy in đa năng Canon MF241D-T9	Cái	HQ	2020	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C103	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M229	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M204	Quat cay dien co VINAWIND	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C328-	Quạt cây vinawind	Chiếc	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C127-128	Tủ sắt	Cái	VN	2015	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C178	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C671	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C124	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C119-121	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2013	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14C583-584	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C495	Tu sat canh kinh-T10			2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G042	Tu sat canh kinh-T9	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C310	Tu sat kinh	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G014B	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042A	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C649-653	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M028	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C666-675	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M016	Máy in đa năng Canon MF241D	chiếc	HQ	2018	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C985	Bàn họp	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	07G115-116	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C597-598	Bàn làm việc 1,2 m	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C980	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	04G019	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	1	
016	BM Trắc địa công trình	15C895	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C674-678	Ghe gap			2010	5	
016	BM Trắc địa công trình	14C632-633	Ghế gấp	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C1001-1012	Ghế gấp	Cái	VN	2014	12	
016	BM Trắc địa công trình	20C385	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
016	BM Trắc địa công trình	01M008	Máy va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
016	BM Trắc địa công trình	00M246	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C581-582	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C989-990	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	10C501	Tu sat 8 canh			2010	1	
016	BM Trắc địa công trình	12C584	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C490	Tu sat canh kinh			2010	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	07C124-126	Gia guong 3 chan	Cai	Thuy sy	2007	3	
016.1	PTN Trắc địa công trình	05M127-128	Guong don MPU5A	Cai	Nhat	2005	2	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050	Máy đo sau PS-7FL	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050B	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11C217	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C484	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS004-005	Ban lam viec 1 thung go dan	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	14C657-658	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS003	Ban lam viec fooc	Cai			1	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS007	Ban vi tinh	Cai			2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C212	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03G020-021	Ban vi tinh fooc	cai	VN	2003	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	09C064-073	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	10C749-753	Ghe gap			2010	5	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C714-723	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS009	Ghe tua go	Cai	VN	2000	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS004-006	Ghe tua go	Cai	VN		3	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083B	May dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	15M188	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	20C384	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03DA154	Máy in Laser HP1300	Cai	DNA	2003	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M153	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông		Tủ sắt 18 cánh	cai	VN	2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C672	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	04G024	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	00G041	Tu sat cao 2 m	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M076	Tủ thiết bị văn phòng	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G169-170	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G084-085	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G171-173	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G099	Bang fooc	Cai	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M094	Bo luu dien UPS Santak 1KV	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G086-096	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G097-098	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA198	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	Cai	TQ	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06C055	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	05BS006	Quat tran	Cai	VN		1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	17BS010	Quat tran	Cai			1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03BS001	Tu dung go 2 buong	Cai	VN	2000	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03G059	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G174-176	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	3	
018	BM Địa chính	07C111-112A	Chan de guong nhôm	Cai	TQ	2007	2	
018	BM Địa chính	07C107-108	De guong co doi tam	Cai	Nhat	2007	2	
018	BM Địa chính	07G154-158	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
018	BM Địa chính	17M026	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2017	1	
018	BM Địa chính	08C468	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
018	BM Địa chính	07G112	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2007	1	
018	BM Địa chính	07G159	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M114-116	Bộ nạp pin cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C827-829	Chân máy bằng nhôm cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C830-832	Đế máy có dọi tâm quang học cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1218-1232	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	98M096	May do dien tích	Cai		1998	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M111-113	Pin trong cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1423	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	16M228	Bản hợp ovan mặt kính	Cái	VN	2016	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C197-198	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C235-237	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C086	Bàn TP 2m chữ L cố hộc	Cái	VN	2019	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G136	Ban vi tính	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C199	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C502	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	20C440	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	Malaysia	2020	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C734-738	Ghe gấp	Cai	VN	2008	5	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15C946-957	Ghế gấp	Cái	VN	2016	12	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G288	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C692	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C238-241	Ghế xoay HP	Cái	VN	2019	4	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15M031	Máy in Canon 6200d	Bộ	ĐNA	2015	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M022	Máy in đa năng canon 3010	Cái	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	02M131	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C487-488	Quạt cây vinawind	cái	VN	2014	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	12C681	Tủ kính	Cái	VN	2012	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C232-234	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	04G033	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C458	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	09C321	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	03C181-182	Ban sat thi nghiem	Cai	VN	2003	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C403	Bộ mũi khoan gia công kim loại	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C360	Bơm pittong hướng trục A10VG	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C359	Bơm pittong hướng trục A4V	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C361	Bơm pittong hướng trục nghiêng	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M060-061	Giá sắt 5 tầng	Chiếc	VN	2017	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C955	Hộp giảm tốc khai triển 2 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C956	Hộp giảm tốc trục vít 1 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	889	Kính hiển vi PME	Cai	Nhat	1976	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	882	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1970	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	883	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	884	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C292	Máy cắt Etop - SL355 (tumua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C294	Máy hàn BTEC - MMA200 (tumua)	Máy	Nhật Bản	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M124	Máy khoan bàn Hồng Ký - KC10 (tumua)	Máy	VN	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C293	Máy mài cầm tay Etop - XH9101 (tumua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11M053	Máy vi tính E5500	Bo	DNA	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C400	Pa lăng xích nâng hạ bằng tay kt 3x2x3(m)	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C141-142	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-450	Cái	VN	2020	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C139-140	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-750	Cái	VN	2020	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C357	Thùng dầu hoàn thiện (Thùng dầu, bơm, động cơ, van)	Bộ	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C402	Thước kẹp cơ Mitutoyo 530-312	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C401	Thước kẹp điện tử Mitutoyo 500 -753-20	Chiếc	NB	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C362	Tủ bảo vệ kính hiển vi	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C358	Tủ điện điều khiển	cái	VN	2019	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14C643	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2021
KHOA: TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M227	Bo lien ket song radio Trim450s	Bo	My	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	13M141	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M230-231	Kính lập thể	Cai	Nhat	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M314	Máy đo sâu hồi âm ch/x cao ODOM	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M312	Máy thủy bình điện tử DL101C	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M236-237	Máy toàn đạc TC-305	Cai	My	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M235	Trạm định vị vệ tinh GPS4600LS	Bo	My	2007	1	
011	BM Bản đồ	13M142	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
011	BM Bản đồ	14M146	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011	BM Bản đồ	14M168	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M156	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M093	Máy GPS một tần số L1/12 kênh, Trimble R3 (kèm phụ kiện)	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M125	Máy GPS một tần số L1/12 kênh hiệu Trimble R3	Bộ	LD	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M067	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	KT137	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1997	1	
012	Tổ máy trắc địa	17M111	Máy chinh chực 3 ống (tumua)	Cái	TQ	2017	1	
012	Tổ máy trắc địa	18M075a	Máy chinh tâm phát	Cái	TQ	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	07M207	Máy chinh tần số DS1100CEZ	Cai	HQ	2007	1	
012	Tổ máy trắc địa	11DA062-065	Máy định vị vệ độ chính xác cao TRIMBLER3	Cai	Mexico	2011	4	
012	Tổ máy trắc địa	04DA133-137	Máy kinh vĩ quang cơ 3T5KP	Bo	Nga	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	02M233-237	Máy kinh vĩ quang cơ THEO 020B	cai	Duc	2002	5	
012	Tổ máy trắc địa	99M180	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	99M181	Máy thủy bình Ni 004	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	00M049-056	Máy thủy bình FG040	Cai	Duc	2000	8	
012	Tổ máy trắc địa	01M254-255	Máy thủy bình FG-040	Cai	Duc	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	08M358-361	Máy thủy chuẩn NA2 Leica va pk	Bo	TQ	2008	4	
012	Tổ máy trắc địa	99M027-028	Máy thủy chuẩn Ni 004	Cai	Duc	1999	2	
012	Tổ máy trắc địa	15M007	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	ĐNA	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	20M071	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	06DA031	Máy toàn đạc điện tử GTS 336BN	Cai	TQ	2006	1	
012	Tổ máy trắc địa	09DA018-020	Máy toàn đạc điện tử GTS235N	Bo	Nhat	2009	3	
012	Tổ máy trắc địa	20M060	Mia Invar (3m)	Đôi	Mỹ	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	15M133	Tủ nhôm kính đặt máy trắc địa	Cái	VN	2015	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	13M303	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA092	Đầu phát Laser	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	98M110	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1998	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA095	Hệ gương động + Cố định	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA094	Hệ ray	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04M066	Máy định vị cầm tay	Bo	My	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	97M199-200	Máy định vị GPS Trimble 4600L	Cai	My	1997	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02M240	Máy định vị GPS Trimble 4600L	cai	My	2002	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA093	Máy giao thoa	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA096	Phần mềm đo giao thoa	Bo	Nga	2004	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	94M044	TBi kiểm định thước inva 24m	Cai	Nga	1994	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	99M171	Thiết bị đo nhiệt	Cai		1999	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	96M122	Thiet bi kiem dinh Inva 1m	Bo	Nga	1996	1	
014	BM Trắc địa Mô	15M156	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mô	09DA044	Máy tính xách tay Lenovo Thinkpad	Cai	TQ	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA048	Máy cho hướng Laser hầm lò	Cai	VN	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA046-047	Máy toàn đạc điện tử Laser đo hầm lò	Bo	Thuysy	2009	2	
014.1	PTN Trắc địa Mô	93M077	Mô hình vật liệu tương đương	Cai	VN	1993	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA045	Phần mềm lập bản đồ và klg Mo	Bo	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M285	Bai thuc tap da nganh Trac Dia	Bai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M059	Điều hòa Sumikura 18.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M058	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08M083	Máy chiếu projector panaso,man	Bo	Nhat	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13M031	Máy chủ IBM System x 3500 M4-BM ĐC	Chiếc	ĐNA	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	04TT060-061	Máy định vị GPS tan so don TĐCC	Cai	Nhat	2004	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	21M031	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M188	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16M008	Máy tính G3250 LCD 19" HP (Hà)	Bộ	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M068	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	21M018	Điều hòa Funiki 18000BTU	Bộ	Thái Lan	2021	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA120	Hệ thống phần mềm đo ảnh Hexagon Geospatial Educational Desktop Core Level 2 (15 seats)	Bộ	Anh	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA124	Máy quét Laser 3D Faro FOCUS 3D X130	Chiếc	Đức	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA067-068	Máy thủy chuẩn loại 1 Trimble DiNi 0.7	Chiếc	Đức	2017	2	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA073-089	Máy thủy chuẩn loại 3 Topcon AT-B3A/x	Chiếc	TQ	2017	17	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA069-072	Máy thủy chuẩn loại Topcon/Sokkia 2 SDL50	Chiếc	Nhật bản	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA110-119	Máy tính chuyên dụng phục vụ công tác đo đạc ảnh HP Z240	Bộ	Singapo	2017	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA090-109	Máy tính phục vụ đào tạo HP Pavilion 570-p0211 (Z8H79AA)	Bộ	TQ	2017	20	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA122	Máy tính xách tay đồ họa chuyên dụng HP Zbook 17 G3 (M9L94AV)	Bộ	TQ	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA049-053	Máy toàn đạc điện tử loại 1 Trimble M1	Chiếc	Nhật bản	2017	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA054-062	Máy toàn đạc điện tử loại 2 Sokkia CX-55/SG	Chiếc	Nhật bản	2017	9	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA063-066	Máy toàn đạc điện tử loại 3 Leica TS06 plus-5' R500	Chiếc	Singapo	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA123	Máy trạm workstation để xử lý dữ liệu trong phòng HP Z240 (L8T12AV)	Bộ	Singapo	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA121	UAV loại cất cánh thẳng Trimble ZX5	Bộ	Đức	2017	1	
016	BM Trắc địa công trình	02M058	Điều hòa tủ LG-44000BTU	Cai	VN	2002	1	
016	BM Trắc địa công trình	13M304	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M153	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M095	Máy chiếu đứng	Cai	Thuy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA066	Máy định vị vệ tinh DGP STRIMBLE SPS531	Cai	My	2011	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M094	Máy đo dai	Cai	Thụy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA067	Máy đo sâu hồi âm 1 tần số ODOM	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M191	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	15M186	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	02DA241	Máy toàn đạc điện tử TCR705	cai	Thụy si	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	06DA352	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	13M143	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	20M067	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M264	Máy vi tính Acer Mo 15"	Bo	DNA	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	05M145	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	99M173	Bai thuc tap TDPT	Bai	VN	1999	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	96M166	Ban so hoa Calcom A1	Cai	My	1996	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M087	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis 2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M086	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis1	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	97M147	Chan ban so hoa	Cai	My	1997	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06DA353	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M092	Máy chiếu projectorSonyVPLCX12	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M089	Máy chủ IBM X3650	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA191	Máy định vị Trimble R7	Bo	My	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA194	Máy GPS cam tay	Cai	Mexico	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M091	Máy in mau kho Ao HP D500C7770	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M095	Máy thủy bình so DL101C	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA193	Máy tính xách tay Dell	Cai	Malaixia	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA195	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapor	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA204	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M090	Máy tính xách tay ThinkpadT400	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M096	Máy toan dac dien tu GPT 7502	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA192	Máy toan dac dien tu TrimbleS6	Bo	My-Duc	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA199-201	Máy vi tính chuyên dụng	Bo	DNA	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M093	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA196	Phần mềm thành lập bản đồ	Bo	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M088	Phần mềm Web-Gis IM9.2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA197	Thiết bị mạng	Bo	TQ	2007	1	
018	BM Địa chính	95M079	Điều hòa 2 cục 1 chiều Nationa	Cai	Nhat	1995	1	
018	BM Địa chính	15M105	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Cái	VN	2015	1	
018	BM Địa chính	13M140	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
018	BM Địa chính	02DA249	Máy in mau kho Ao	cai	Singapo	2002	1	
018	BM Địa chính	99M182	Máy quét GT12000+CD write	Cai		1999	1	
018	BM Địa chính	15M182	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
018	BM Địa chính	09M010	Máy vi tính DELL	Bo	TQ	2009	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M105	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M129	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M141	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M152	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M189	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	02M196	Máy toàn đạc điện tử GTS-229	cai	Nhat	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M159	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	21M020	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	11DA080	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA339	Bộ nguồn cung cấp FME00	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14M236	Bộ thiết bị thí nghiệm thủy lực	Bộ		2014	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA340	Bo TN Dap tran FME02	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA077	Camera ky thuat so EC3	Cai	Sigapore	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA076	Kính hiển vi kim cương DM2500Leica	Cai	TQ	2011	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20M075	Máy cắt plasma mini Jasic CUT 60	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA078	Máy đo độ cứng vi te baoHV1000	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M056	Máy in 3D NP/QK MID	Cái	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	21M016	Máy khoan phay cỡ nhỏ, điều khiển bán tự động ZX70040BSN	Chiếc	VN	2021	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA079	Máy mài và đánh bóng kim loại A3HA	Cai	Dailoan	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M055	Máy phay CNC Mini UH5052 - V1	Máy	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M024	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA342	TB đo tổn thất cục bộ FME05	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA344	TB đo tổn thất dọc dòng FME07	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA341	TB TN Ptrinh Becnulli FME03	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA343	TB TN Reynold FME06	Bo	TBN	2005	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
010	BM Đo ảnh viễn thám	17C350-353	Bàn 1,2m HP	Cái	VN	2017	4	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C196	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C485	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C298-303	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS003	Ban vi tinh fooc	Cai	VN		1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M228	Bo acquy 6AH	Bo	Nhat	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C089-102	Bo luu du lieu anh so HNoi	Bo	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10C654-663	Ghe gap			2010	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	12C128-137	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C791-796	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS013	Ghe tua xoay	Cai			1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C459	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C195	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C470	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	09C316	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G058	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	Vn	2003	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G035	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M348	Ban lam viec co trung	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C651-660	Bình đồ ảnh	T	VN	2012	10	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C647-650	Màn hình CRT Dell 17"	Chiếc	VN	2012	4	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M306	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M307	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	10BS001	Tu sat canh kinh	Cai	VN		1	
011	BM Bàn đồ	14C986	Bàn họp	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bàn đồ	15C070	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14C981-983	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bàn đồ	14C1201-1203	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bàn đồ	15C071-076	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
011	BM Bàn đồ	15C894	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
011	BM Bàn đồ	08C150-155	Ghe gap	Cai	VN	2008	6	
011	BM Bàn đồ	14C1019-1033	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
011	BM Bàn đồ	14C1191-1200	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
011	BM Bàn đồ	03G066	Ghe tua Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	10	
011	BM Bàn đồ	14C1256-1257	Ghế xoay	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bàn đồ	15C078	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14M169	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
011	BM Bàn đồ	15M201	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
011	BM Bàn đồ	16M189	Máy in màu Cannon Pixma IX6770	Chiếc	Thái Lan	2016	1	
011	BM Bàn đồ	08M150	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
011	BM Bàn đồ	01M074	On ap Lioa	Cai	VN	2001	1	
011	BM Bàn đồ	15C077	Tủ kính	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
011	BM Bản đồ	14C993	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bản đồ	04G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
011	BM Bản đồ	10C498	Tu sat 8 canh			2010	1	
011	BM Bản đồ	14C994-995	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bản đồ	11C216	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
011	BM Bản đồ	02G010	Tu sat canh mo	cai	VN	2002	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M126	Máy định vị vệ tinh GPS Map 62	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M068	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	03G037	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C347	Ban chinh may may kinh vi	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C006	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C439	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C408-409	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C035	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C120	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	05G027	Ban sua chua may	Cai	VN	2005	1	
012	Tổ máy trắc địa	04G020	Ban vi tinh	Cai	Vn	2004	2	
012	Tổ máy trắc địa	01C063	Bo dung cu sua may trac dia	bo	VN	2001	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C310-313	Cáp trút số liệu	Cái		2012	4	
012	Tổ máy trắc địa	10C801-805	Chan may kinh vi go Nga	Cai	Nga	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C796-800	Chan may kinh vi go TQ	Cai	TQ	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	09C375-384	Chan may thuy binh	Cai	TQ	2009	10	
012	Tổ máy trắc địa	08C276-286	Chan may thuy chuan	Cai	TQ	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15M086	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	02C028	Dieu khien dieu hoa	cai	LD	2002	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C526-535	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15C427-438	Ghế gấp	Cái	VN	2015	12	
012	Tổ máy trắc địa	08C800	Gia sat	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C318-323	Hom may 3T5K bang go	Cai	TQ	2008	15	
012	Tổ máy trắc địa	07C073-080	Hom may Ni004	Cai	TQ	2007	8	
012	Tổ máy trắc địa	03C140	Khoan dien cam tay	Cai	Duc	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	13M130	Máy hút âm Aikyo	Bộ	ĐNA	2013	1	
012	Tổ máy trắc địa	16M224	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2016	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M111	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M112	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	95M180-182	May Kinh vi Theo 020B	Cai		1995	3	
012	Tổ máy trắc địa	10C816	May mai kim loai	Cai	TQ	2010	1	
012	Tổ máy trắc địa	04DA097-101	May thuy chuan FG040	Bo	Duc	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C806-815	O che may	Cai	VN	2010	10	
012	Tổ máy trắc địa	00M247	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
012	Tổ máy trắc địa	01M048-049	Quat cay Vinawind	Cai	VN	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	13C368-371	Quạt trần		VN	2013	4	
012	Tổ máy trắc địa	15C382	Quạt treo tường Điện cơ Thống nhất	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C314-315	Sào gương, túi sào gương, ống thủy, quả gương, túi gương	Bộ		2012	2	
012	Tổ máy trắc địa	07C097-101	Thuoc thep	Cai	TQ	2007	4	
012	Tổ máy trắc địa	00G029	Tu de may khung nhom	Cai	VN	2000	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G051	Tu dung dung cu thi nghiem	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C121-122	Tủ kính	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G038	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C639-640	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C007-009	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
012	Tổ máy trắc địa	08C192	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C475	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
012	Tổ máy trắc địa	14C644-645	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	05G017	Tủ sắt nhiều ngăn	Cái	VN	2005	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C256	Bàn họp to 2,4m	Cái	VN	2009	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C188-189	Cáp cáp điện ngoài cho máy GTS	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	08C719-723	Ghế gấp	Cái	VN	2008	5	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C044-053	Ghế gấp	Cái	VN	2009	10	
013	BM Trắc địa cao cấp	09TT002-003	Máy định vị GPS2tangTopconGP100	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	02M084	Máy và dương dây điện thoại	Bo	VN	2002	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	20M227	On áp Lioa 2KVA	Cái	VN	2000	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C190-192	Pin cáp điện ngoài cho máy GTS	Bo	Nhat	2004	3	
013	BM Trắc địa cao cấp	99G032	Tủ hồ sơ gỗ	Cái	VN	1999	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	03G036	Tủ sắt cao 2m	cai	VN	2003	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	17C050-069	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	20	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	16C1104-1118	Ghế gấp	cái	VN	2016	15	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02C023-026	Gia sắt để thiết bị kiểm định	cai	VN	2002	4	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	01M187	Máy đo sâu hồi âm	Cái	Nhat	2001	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M115	Nguồn on áp	Bo	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	92M006	Thuốc Inva	Bo	Nga	1992	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M121	Tủ sắt	Cái	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	08C177	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2008	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G036	Tủ tài liệu sắt	Cái	VN	2007	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G160	Tủ tài liệu sắt	Cái	VN	2007	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C944-949	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	6	
014	BM Trắc địa Mỏ	12C482	Bàn làm việc 1,4m	Cái	VN	2012	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C703-707	Ghế gấp	Cái	VN	2008	5	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C595-604	Ghế gấp			2010	10	
014	BM Trắc địa Mỏ	15M169	Máy in đa năng Canon MF211	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	01M004	Máy và dương dây điện thoại	Cái	VN	2001	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C685	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C935	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C924	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2010	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C936	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C469	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C502	Tủ sắt 8 cánh			2010	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	12C495	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	13C940-949	Ghế gấp	Cái	VN	2013	10	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	07C130-133	Thuốc thép 50m	Cái	Nhat	2007	2	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	95G056	Tủ dụng cao 2m	Cái	VN	1995	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C182	Bàn họp	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C257	Bàn họp to 2,4m	Cái	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C179-180	Bàn làm việc	Cái	VN	2008	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C390	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G056	Bàn làm việc fooc	Cái	VN	2000	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	05BS004	Bàn làm việc gỗ	Cái			1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20G051BS	Bàn làm việc Ovan	Cái	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C003	Bàn làm việc TP 1,6m	Cái	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G132	Bàn vi tính	Cái	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C181	Bàn vi tính	Cái	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C497	Bàn vi tính	Cái	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C049-055	Bảng tin ghim 1,27x2,36	Cái	VN	2016	7	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M022	Bộ salon gỗ	Bộ	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C689	Điện thoại KXTSC11	Cái	ĐNA	2015	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M031	Dương dây điện thoại	Bo	VN	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C011	Ghế da TP	Cái	VN	2010	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C391	Ghế đa TP HP	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042C	Ghe gap	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G230-234	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C516-525	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C054-063	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C664-673	Ghe gap			2010	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C704-713	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G235	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C786-788	Ghế xoay	Cái	VN	2015	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	06G024-5C	Gia sạch sát to	Cai	VN	2006	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M013	Man chieu 3 chan	Cai	Halan	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C011	Man chieu 3 chan Herin	Cai	DNA	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C088	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M076	Máy chiếu HP-A11	Cai	TQ	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M135	Máy chủ vi tính DTC	Bo	VN	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10M037	Máy in Cannon MF4320D	Cai	TQ	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M130	Máy in đa năng C70 Canon-T9	Cai	Nhat	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C386-387	Máy in đa năng Canon MF241D-T9	Cái	HQ	2020	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C103	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M229	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M204	Quạt cây dien co VINAWIND	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C328-	Quạt cây vinawind	Chiếc	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C127-128	Tủ sắt	Cái	VN	2015	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C178	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C671	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C124	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C119-121	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2013	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14C583-584	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C495	Tu sat canh kinh-T10			2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G042	Tu sat canh kinh-T9	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C310	Tu sat kinh	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G014B	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042A	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C649-653	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M028	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C666-675	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M016	Máy in đa năng Canon MF241D	chiếc	HQ	2018	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C985	Bàn họp	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	07G115-116	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C597-598	Bàn làm việc 1,2 m	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C980	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	04G019	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	1	
016	BM Trắc địa công trình	15C895	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C674-678	Ghe gap			2010	5	
016	BM Trắc địa công trình	14C632-633	Ghế gấp	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C1001-1012	Ghế gấp	Cái	VN	2014	12	
016	BM Trắc địa công trình	20C385	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
016	BM Trắc địa công trình	01M008	Máy va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
016	BM Trắc địa công trình	00M246	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C581-582	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C989-990	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	10C501	Tu sat 8 canh			2010	1	
016	BM Trắc địa công trình	12C584	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C490	Tu sat canh kinh			2010	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
016.1	PTN Trắc địa công trình	07C124-126	Gia gương 3 chan	Cai	Thuy sy	2007	3	
016.1	PTN Trắc địa công trình	05M127-128	Guong don MPU5A	Cai	Nhat	2005	2	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050	Máy đo sau PS-7FL	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050B	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11C217	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C484	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS004-005	Ban lam viec 1 thung go dan	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	14C657-658	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS003	Ban lam viec fooc	Cai			1	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS007	Ban vi tinh	Cai			2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C212	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03G020-021	Ban vi tinh fooc	cai	VN	2003	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	09C064-073	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	10C749-753	Ghe gap			2010	5	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C714-723	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS009	Ghe tua go	Cai	VN	2000	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS004-006	Ghe tua go	Cai	VN		3	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083B	Máy dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	15M188	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	20C384	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03DA154	Máy in Laser HP1300	Cai	DNA	2003	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M153	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông		Tủ sắt 18 cánh	cai	VN	2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C672	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	04G024	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	00G041	Tu sat cao 2 m	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M076	Tủ thiết bị văn phòng	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G169-170	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G084-085	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G171-173	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G099	Bang fooc	Cai	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M094	Bo luu dien UPS Santak 1KV	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G086-096	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G097-098	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA198	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	Cai	TQ	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06C055	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	05BS006	Quat tran	Cai	VN		1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	17BS010	Quat tran	Cai			1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03BS001	Tu dung go 2 buong	Cai	VN	2000	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03G059	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G174-176	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	3	
018	BM Địa chính	07C111-112A	Chan de guong nhom	Cai	TQ	2007	2	
018	BM Địa chính	07C107-108	De guong co doi tam	Cai	Nhat	2007	2	
018	BM Địa chính	07G154-158	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
018	BM Địa chính	17M026	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2017	1	
018	BM Địa chính	08C468	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
018	BM Địa chính	07G112	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2007	1	
018	BM Địa chính	07G159	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M114-116	Bộ nạp pin cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C827-829	Chân máy bằng nhôm cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C830-832	Đế máy có dọi tâm quang học cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1218-1232	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	98M096	Máy đo diện tích	Cái		1998	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M111-113	Pin trong cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1423	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	16M228	Bàn họp ovan mặt kính	Cái	VN	2016	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C197-198	Bàn làm việc	Cái	VN	2008	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C235-237	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C086	Bàn TP 2m chữ L có hộc	Cái	VN	2019	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G136	Bàn vi tính	Cái	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C199	Bàn vi tính	Cái	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C502	Bàn vi tính	Cái	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	20C440	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	Malaysia	2020	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C734-738	Ghế gấp	Cái	VN	2008	5	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15C946-957	Ghế gấp	Cái	VN	2016	12	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G288	Ghế xoay	Cái	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C692	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C238-241	Ghế xoay HP	Cái	VN	2019	4	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15M031	Máy in Canon 6200d	Bộ	ĐNA	2015	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M022	Máy in đa năng canon 3010	Cái	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	02M131	On ap Lioa 2KVA	Cái	VN	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C487-488	Quạt cây vinawind	cái	VN	2014	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	12C681	Tủ kính	Cái	VN	2012	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C232-234	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	04G033	Tu sat	Cái	VN	2004	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C458	Tu sat 2 canh	Cái	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	09C321	Tu sat 8 canh	Cái	VN	2009	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	03C181-182	Bàn sát thí nghiệm	Cái	VN	2003	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C403	Bộ mũi khoan gia công kim loại	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C360	Bơm pittong hướng trục A10VG	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C359	Bơm pittong hướng trục A4V	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C361	Bơm pittong hướng trục nghiêng	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M060-061	Giá sắt 5 tầng	Chiếc	VN	2017	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cái	VN		2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C955	Hộp giảm tốc khai triển 2 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C956	Hộp giảm tốc trục vít 1 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	889	Kính hiển vi PME	Cái	Nhat	1976	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	882	Kính hiển vi XJB-1	Cái	TQ	1970	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	883	Kính hiển vi XJB-1	Cái	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	884	Kính hiển vi XJB-1	Cái	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C292	Máy cắt Etop - SL355 (tumua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C294	Máy hàn BTEC - MMA200 (tumua)	Máy	Nhật Bản	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M124	Máy khoan bàn Hồng Ký - KC10 (tumua)	Máy	VN	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C293	Máy mài cầm tay Etop - XH9101 (tumua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11M053	Máy vi tính E5500	Bo	DNA	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C400	Pa lăng xích nâng hạ bằng tay kt 3x2x3(m)	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C141-142	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-450	Cái	VN	2020	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C139-140	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-750	Cái	VN	2020	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C357	Thùng dầu hoàn thiện (Thùng dầu, bơm, động cơ, van)	Bộ	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C402	Thước kẹp cơ Mitutoyo 530-312	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C401	Thước kẹp điện tử Mitutoyo 500 -753-20	Chiếc	NB	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C362	Tủ bảo vệ kính hiển vi	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C358	Tủ điện điều khiển	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	21C646-647	Tủ sắt 2 cánh	Chiếc	VN	2021	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14C643	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2022
KHOA: TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M227	Bo lien ket song radio Trim450s	Bo	My	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	13M141	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M230-231	Kính lập thể	Cai	Nhat	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M314	Máy đo sâu hồi âm ch/x cao ODOM	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M312	Máy thủy bình điện tử DL101C	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M236-237	Máy toàn đạc TC-305	Cai	My	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M235	Trạm định vị vệ tinh GPS4600LS	Bo	My	2007	1	
011	BM Bản đồ	13M142	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
011	BM Bản đồ	14M146	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011	BM Bản đồ	14M168	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M156	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M093	Máy GPS một tần số L1/12 kênh, Trimble R3 (kèm phụ kiện)	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M125	Máy GPS một tần số L1/12 kênh hiệu Trimble R3	Bộ	LD	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M067	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	KT137	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1997	1	
012	Tổ máy trắc địa	17M111	Máy chinh chực 3 ống (tumua)	Cái	TQ	2017	1	
012	Tổ máy trắc địa	18M075a	Máy chinh tâm phát	Cái	TQ	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	07M207	Máy chinh tần số DS1100CEZ	Cai	HQ	2007	1	
012	Tổ máy trắc địa	11DA062-065	Máy định vị vệ độ chính xác cao TRIMBLER3	Cai	Mexico	2011	4	
012	Tổ máy trắc địa	04DA133-137	Máy kinh vĩ quang cơ 3T5KP	Bo	Nga	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	02M233-237	Máy kinh vĩ quang cơ THEO 020B	cai	Duc	2002	5	
012	Tổ máy trắc địa	99M180	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	99M181	Máy thủy bình Ni 004	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	00M049-056	Máy thủy bình FG040	Cai	Duc	2000	8	
012	Tổ máy trắc địa	01M254-255	Máy thủy bình FG-040	Cai	Duc	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	08M358-361	Máy thủy chuẩn NA2 Leica va pk	Bo	TQ	2008	4	
012	Tổ máy trắc địa	99M027-028	Máy thủy chuẩn Ni 004	Cai	Duc	1999	2	
012	Tổ máy trắc địa	15M007	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	ĐNA	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	20M071	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	06DA031	Máy toàn đạc điện tử GTS 336BN	Cai	TQ	2006	1	
012	Tổ máy trắc địa	09DA018-020	Máy toàn đạc điện tử GTS235N	Bo	Nhat	2009	3	
012	Tổ máy trắc địa	22M045	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
012	Tổ máy trắc địa	20M060	Mĩa Invar (3m)	Đôi	Mỹ	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	15M133	Tủ nhôm kính đặt máy trắc địa	Cái	VN	2015	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	13M303	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	22M063-064	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA092	Đầu phát Laser	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	98M110	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1998	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA095	Hệ gương động + Cố định	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA094	Hệ ray	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04M066	Máy định vị cầm tay	Bo	My	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	97M199-200	Máy định vị GPS Trimble 4600L	Cai	My	1997	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02M240	Máy định vị GPS Trimble 4600L	cai	My	2002	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA093	Máy giao thoa	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA096	Phần mềm đo giao thoa	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	94M044	TBi kiểm định thước inva 24m	Cai	Nga	1994	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	99M171	Thiết bị đo nhiệt	Cai		1999	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	96M122	Thiet bi kiem dinh Inva 1m	Bo	Nga	1996	1	
014	BM Trắc địa Mô	15M156	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mô	09DA044	Máy tínhxachtay LenovoThinkpad	Cai	TQ	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA048	Máy cho hướng Laser hầm lò	Cai	VN	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA046-047	Máy toàn đạc điện tử Laser đo hầm lò	Bo	Thuysy	2009	2	
014.1	PTN Trắc địa Mô	93M077	Mô hình vật liệu tương đương	Cai	VN	1993	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA045	Phần mềm lập bản đồ va klg Mo	Bo	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M285	Bài thực tập đa ngành Trac Dia	Bai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M059	Điều hòa Sumikura 18.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M058	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08M083	Máy chiếu projector panaso,man	Bo	Nhat	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13M031	Máy chủ IBM System x 3500 M4-BM ĐC	Chiếc	ĐNA	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	04TT060-061	Máy định vị GPS tan so don TĐCC	Cai	Nhat	2004	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22M027	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	21M031	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M188	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16M008	Máy tính G3250 LCD 19" HP (Hà)	Bộ	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M068	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	21M018	Điều hòa Funiki 18000BTU	Bộ	Thái Lan	2021	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA120	Hệ thống phần mềm đo ảnh Hexagon Geospatial Educational Desktop Core Level 2 (15 seats)	Bộ	Anh	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA124	Máy quét Laser 3D Faro FOCUS 3D X130	Chiếc	Đức	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA067-068	Máy thủy chuẩn loại 1 Trimble DiNi 0.7	Chiếc	Đức	2017	2	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA073-089	Máy thủy chuẩn loại 3 Topcon AT-B3A/x	Chiếc	TQ	2017	17	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA069-072	Máy thủy chuẩn loại Topcon/Sokkia 2 SDL50	Chiếc	Nhật bản	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA110-119	Máy tính chuyên dụng phục vụ công tác đo đạc ảnh HP Z240	Bộ	Singapo	2017	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA090-109	Máy tính phục vụ đào tạo HP Pavilion 570-p0211 (Z8H79AA)	Bộ	TQ	2017	20	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA122	Máy tính xách tay đồ họa chuyên dụng HP Zbook 17 G3 (M9L94AV)	Bộ	TQ	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA049-053	Máy toàn đạc điện tử loại 1 Trimble M1	Chiếc	Nhật bản	2017	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA054-062	Máy toàn đạc điện tử loại 2 Sokkia CX-55/SG	Chiếc	Nhật bản	2017	9	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA063-066	Máy toàn đạc điện tử loại 3 Leica TS06 plus-5' R500	Chiếc	Singapo	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA123	Máy trạm workstation để xử lý dữ liệu trong phòng HP Z240 (L8T12AV)	Bộ	Singapo	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA121	UAV loại cất cánh thẳng Trimble ZX5	Bộ	Đức	2017	1	
016	BM Trắc địa công trình	02M058	Điều hòa từ LG-44000BTU	Cai	VN	2002	1	
016	BM Trắc địa công trình	13M304	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M153	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M095	Máy chiếu đứng	Cai	Thụy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA066	Máy định vị vệ tinh DGP STRIMBLE SPS531	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M094	Máy đo dai	Cai	Thụy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA067	Máy đo sâu hồi âm 1 tần số ODOM	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M191	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	15M186	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	02DA241	Máy toàn đạc điện tử TCR705	cai	Thụy si	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	06DA352	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	13M143	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	20M067	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M264	Máy vi tính Acer Mo 15"	Bo	DNA	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	05M145	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	99M173	Bai thuc tap TDPT	Bai	VN	1999	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	96M166	Ban so hoa Calcom A1	Cai	My	1996	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M087	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis 2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M086	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis1	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	97M147	Chan ban so hoa	Cai	My	1997	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06DA353	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M092	Máy chiếu projector SonyVPLCX12	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M089	Máy chủ IBM X3650	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA191	Máy định vị Trimble R7	Bo	My	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA194	Máy GPS cam tay	Cai	Mexico	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M091	Máy in mau kho Ao HP D500C7770	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M095	Máy thuy binh so DL101C	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA193	Máy tính xách tay Dell	Cai	Malaixia	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA195	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapor	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA204	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M090	Máy tính xách tay ThinkpadT400	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M096	Máy toan dac dien tu GPT 7502	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA192	Máy toan dac dien tu TrimbleS6	Bo	My-Duc	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA199-201	Máy vi tính chuyên dụng	Bo	DNA	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M093	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA196	Phần mềm thành lập bản đồ	Bo	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M088	Phần mềm Web-Gis IM9.2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA197	Thiết bị mạng	Bo	TQ	2007	1	
018	BM Địa chính	95M079	Điều hòa 2 cục 1 chiều Nationa	Cai	Nhat	1995	1	
018	BM Địa chính	15M105	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Cái	VN	2015	1	
018	BM Địa chính	13M140	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
018	BM Địa chính	02DA249	Máy in mau kho Ao	cai	Singapo	2002	1	
018	BM Địa chính	99M182	Máy quét GT12000+CD write	Cai		1999	1	
018	BM Địa chính	15M182	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
018	BM Địa chính	09M010	Máy vi tính DELL	Bo	TQ	2009	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M105	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M129	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M141	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M152	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M189	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	02M196	Máy toàn đạc điện tử GTS-229	cai	Nhat	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M159	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	21M020	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	22M065	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	11DA080	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA339	Bộ nguồn cung cấp FME00	Bo	TBN	2005	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14M236	Bộ thiết bị thí nghiệm thủy lực	Bộ		2014	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA340	Bo TN Dap tran FME02	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA077	Camera ky thuat so EC3	Cai	Sigapore	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA076	Kính hiển vi kim tướng DM2500Leica	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20M075	Máy cắt plasma mini Jasic CUT 60	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA078	Máy đo độ cứng vi te baoHV1000	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M056	Máy in 3D NP/QK MID	Cái	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	21M016	Máy khoan phay cỡ nhỏ, điều khiển bán tự động ZX70040BSN	Chiếc	VN	2021	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA079	Máy mài và đánh bóng kim loại A3HA	Cai	Dailoan	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M055	Máy phay CNC Mini UH5052 - V1	Máy	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22M081	Máy tiện vạn năng Howa strong 650	Chiếc	Nhật Bả	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M024	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22M066	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA342	TB đo tổn thất cục bộ FME05	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA344	TB đo tổn thất dọc dòng FME07	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA341	TB TN Ptrinh Becnulli FME03	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA343	TB TN Reynold FME06	Bo	TBN	2005	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
010	BM Đo ảnh viễn thám	17C350-353	Bàn 1,2m HP	Cái	VN	2017	4	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C196	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C485	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C298-303	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS003	Ban vi tinh fooc	Cai	VN		1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M228	Bo acquy 6AH	Bo	Nhat	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C089-102	Bo luu du lieu anh so HNoi	Bo	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10C654-663	Ghe gap			2010	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	12C128-137	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C791-796	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS013	Ghe tua xoay	Cai			1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C459	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C195	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C470	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	09C316	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G058	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	Vn	2003	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G035	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M348	Ban lam viec co trung	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C651-660	Bình đồ ảnh	T	VN	2012	10	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C647-650	Màn hình CRT Dell 17"	Chiếc	VN	2012	4	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M306	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M307	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	10BS001	Tu sat canh kinh	Cai	VN		1	
011	BM Bàn đồ	14C986	Bàn hợp	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bàn đồ	15C070	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14C981-983	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bàn đồ	14C1201-1203	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bàn đồ	15C071-076	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
011	BM Bàn đồ	15C894	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
011	BM Bàn đồ	08C150-155	Ghe gap	Cai	VN	2008	6	
011	BM Bàn đồ	14C1019-1033	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
011	BM Bàn đồ	14C1191-1200	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
011	BM Bàn đồ	03G066	Ghe tua Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	10	
011	BM Bàn đồ	14C1256-1257	Ghế xoay	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bàn đồ	15C078	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
011	BM Bàn đồ	14M169	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
011	BM Bàn đồ	15M201	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
011	BM Bàn đồ	16M189	Máy in màu Cannon Pixma IX6770	Chiếc	Thái Lan	2016	1	
011	BM Bàn đồ	08M150	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
011	BM Bàn đồ	01M074	On ap Lioa	Cai	VN	2001	1	
011	BM Bàn đồ	15C077	Tủ kính	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14C993	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bàn đồ	04G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
011	BM Bàn đồ	10C498	Tu sat 8 canh			2010	1	
011	BM Bàn đồ	14C994-995	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bàn đồ	11C216	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
011	BM Bàn đồ	02G010	Tu sat canh mo	cai	VN	2002	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	14M126	Máy định vị vệ tinh GPS Map 62	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	18M068	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	03G037	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C347	Ban chinh may may kinh vi	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C006	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C439	Bàn hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C408-409	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C035	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C120	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	05G027	Ban sua chua may	Cai	VN	2005	1	
012	Tổ máy trắc địa	04G020	Ban vi tinh	Cai	Vn	2004	2	
012	Tổ máy trắc địa	01C063	Bo dung cu sua may trac dia	bo	VN	2001	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C310-313	Cáp trút số liệu	Cái		2012	4	
012	Tổ máy trắc địa	10C801-805	Chan may kinh vi go Nga	Cai	Nga	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C796-800	Chan may kinh vi go TQ	Cai	TQ	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	09C375-384	Chan may thuy binh	Cai	TQ	2009	10	
012	Tổ máy trắc địa	08C276-286	Chan may thuy chuan	Cai	TQ	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15M086	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	02C028	Dieu khien dieu hoa	cai	LD	2002	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C526-535	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15C427-438	Ghế gấp	Cái	VN	2015	12	
012	Tổ máy trắc địa	08C800	Gia sat	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C318-323	Hom may 3T5K bang go	Cai	TQ	2008	15	
012	Tổ máy trắc địa	07C073-080	Hom may Ni004	Cai	TQ	2007	8	
012	Tổ máy trắc địa	03C140	Khoan dien cam tay	Cai	Duc	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	13M130	Máy hút âm Aikyo	Bộ	ĐNA	2013	1	
012	Tổ máy trắc địa	16M224	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2016	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M111	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M112	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	95M180-182	May Kinh vi Theo 020B	Cai		1995	3	
012	Tổ máy trắc địa	10C816	May mai kim loai	Cai	TQ	2010	1	
012	Tổ máy trắc địa	04DA097-101	May thuy chuan FG040	Bo	Duc	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C806-815	O che may	Cai	VN	2010	10	
012	Tổ máy trắc địa	00M247	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
012	Tổ máy trắc địa	01M048-049	Quat cay Vinawind	Cai	VN	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	13C368-371	Quạt trần		VN	2013	4	
012	Tổ máy trắc địa	15C382	Quạt treo tường Điện cơ Thống nhất	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C314-315	Sào gương, túi sào gương, ống thủy, quả gương, túi gương	Bộ		2012	2	
012	Tổ máy trắc địa	07C097-101	Thuoc thep	Cai	TQ	2007	4	
012	Tổ máy trắc địa	00G029	Tu de may khung nhom	Cai	VN	2000	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G051	Tu dung dung cu thi nghiem	Cai	VN	2004	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
012	Tổ máy trắc địa	15C121-122	Tủ kính	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G038	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C639-640	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C007-009	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
012	Tổ máy trắc địa	08C192	Tu sat 8 cạnh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C475	Tu sat 8 cạnh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C644-645	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	05G017	Tu sat nhiều ngăn	Cai	VN	2005	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C256	Ban hợp to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C188-189	Cáp cáp điện ngoài cho máy GTS	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	08C719-723	Ghe gáp	Cai	VN	2008	5	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C044-053	Ghe gáp	Cai	VN	2009	10	
013	BM Trắc địa cao cấp	09TT002-003	Máy định vị GPS2tangTopconGP100	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	02M084	Máy và dương dây điện thoại	Bo	VN	2002	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	20M227	On áp Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C190-192	Pin cáp điện ngoài cho máy GTS	Bo	Nhat	2004	3	
013	BM Trắc địa cao cấp	99G032	Tủ hồ sơ đồ	Cai	VN	1999	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	03G036	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	17C050-069	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	20	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	16C1104-1118	Ghế gấp	cái	VN	2016	15	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02C023-026	Gia sắt để thiết bị kiểm định	cai	VN	2002	4	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	01M187	Máy đo sau hồi âm	Cai	Nhat	2001	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M115	Nguồn on áp	Bo	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	92M006	Thuốc Inva	Bo	Nga	1992	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M121	Tu sat	Cai	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	08C177	Tu sat 2 cạnh	Cai	VN	2008	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G036	Tủ tài liệu sắt	Cai	VN	2007	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G160	Tủ tài liệu sắt	Cai	VN	2007	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C944-949	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	6	
014	BM Trắc địa Mỏ	12C482	Bàn làm việc 1,4m	Cái	VN	2012	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	22C527-528	Bàn làm việc 1,6m + hộp	Bộ	VN	2022	2	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C703-707	Ghe gáp	Cai	VN	2008	5	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C595-604	Ghe gáp			2010	10	
014	BM Trắc địa Mỏ	15M169	Máy in đa năng Canon MF211	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	01M004	Máy và dương dây điện thoại	Cai	VN	2001	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C685	Tu sat 2 cạnh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C935	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C924	Tu sat 2 cạnh kính	Cai	VN	2010	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C936	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C469	Tu sat 8 cạnh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C502	Tu sat 8 cạnh			2010	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	12C495	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	13C940-949	Ghế gấp	Cái	VN	2013	10	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	07C130-133	Thuốc thép 50m	Cai	Nhat	2007	2	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	95G056	Tủ dụng cao 2m	Cai	VN	1995	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C182	Bàn hợp	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C257	Ban hợp to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C179-180	Ban làm việc	Cai	VN	2008	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22C514	Bàn làm việc 1,2m + hộp	Bộ	VN	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C390	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G056	Ban làm việc fôc	Cai	VN	2000	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	05BS004	Ban làm việc gỗ	Cai			1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20G051BS	Ban làm việc Ovan	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C003	Ban làm việc TP 1,6m	Cai	VN	2010	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G132	Ban vi tính	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C181	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C497	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C049-055	Bảng tin ghim 1,27x2,36	Cái	VN	2016	7	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M022	Bộ salon gỗ	Bộ	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C689	Điện thoại KXTSC11	Cái	ĐNA	2015	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M031	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C011	Ghe da TP	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C391	Ghế da TP HP	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042C	Ghe gap	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G230-234	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C516-525	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C054-063	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C664-673	Ghe gap			2010	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C704-713	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G235	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C786-788	Ghế xoay	Cái	VN	2015	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22C333	Ghế xoay	Cái	Việt Nam	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	06G024-5C	Gia sach sat to	Cai	VN	2006	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M013	Man chieu 3 chan	Cai	Halan	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C011	Man chieu 3 chan Herin	Cai	DNA	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C088	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M076	Máy chiếu HP-A11	Cai	TQ	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M135	Máy chủ vi tính DTC	Bo	VN	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10M037	Máy in Cannon MF4320D	Cai	TQ	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M130	Máy in da nang C70 Canon-T9	Cai	Nhat	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C386-387	Máy in đa năng Canon MF241D-T9	Cái	HQ	2020	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C103	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M229	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M204	Quạt cây dien co VINAWIND	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C328-	Quạt cây vinawind	Chiếc	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C127-128	Tủ sắt	Cái	VN	2015	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C178	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C671	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C124	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C119-121	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2013	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14C583-584	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C495	Tu sat canh kinh-T10			2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G042	Tu sat canh kinh-T9	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C310	Tu sat kinh	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G014B	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042A	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C649-653	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M028	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C666-675	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M016	Máy in đa năng Canon MF241D	chiếc	HQ	2018	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	22C544	Tủ hồ sơ 2 cánh mở	Chiếc	VN	2022	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C985	Bàn họp	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	07G115-116	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C597-598	Bàn làm việc 1,2 m	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C980	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	04G019	Ban vi tính	Cai	VN	2004	1	
016	BM Trắc địa công trình	15C895	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C674-678	Ghe gap			2010	5	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
016	BM Trắc địa công trình	14C632-633	Ghế gấp	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C1001-1012	Ghế gấp	Cái	VN	2014	12	
016	BM Trắc địa công trình	20C385	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
016	BM Trắc địa công trình	01M008	Máy va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
016	BM Trắc địa công trình	00M246	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C581-582	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C989-990	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	10C501	Tu sat 8 canh			2010	1	
016	BM Trắc địa công trình	12C584	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C490	Tu sat canh kinh			2010	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	07C124-126	Gia guong 3 chan	Cai	Thuy sy	2007	3	
016.1	PTN Trắc địa công trình	05M127-128	Guong don MPU5A	Cai	Nhat	2005	2	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050	Máy đo sau PS-7FL	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050B	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11C217	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C484	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS004-005	Ban lam viec 1 thung go dan	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	14C657-658	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS003	Ban lam viec fooc	Cai			1	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS007	Ban vi tinh	Cai			2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C212	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03G020-021	Ban vi tinh fooc	cai	VN	2003	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	09C064-073	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	10C749-753	Ghe gap			2010	5	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C714-723	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS009	Ghe tua go	Cai	VN	2000	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS004-006	Ghe tua go	Cai	VN		3	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083B	Máy điện thoại	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	15M188	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	20C384	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03DA154	Máy in Laser HP1300	Cai	DNA	2003	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M153	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông		Tủ sắt 18 cánh	cai	VN	2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C672	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	04G024	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	00G041	Tu sat cao 2 m	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M076	Tủ thiết bị văn phòng	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G169-170	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G084-085	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G171-173	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G099	Bang fooc	Cai	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M094	Bo luu dien UPS Santak 1KV	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G086-096	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G097-098	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA198	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	Cai	TQ	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06C055	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	05BS006	Quat tran	Cai	VN		1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	17BS010	Quat tran	Cai			1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03BS001	Tu dung go 2 buong	Cai	VN	2000	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03G059	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G174-176	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	3	
018	BM Địa chính	07C111-112A	Chan de guong nhom	Cai	TQ	2007	2	
018	BM Địa chính	07C107-108	De guong co doi tam	Cai	Nhat	2007	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
018	BM Địa chính	07G154-158	Ghe gáp	Cai	VN	2007	5	
018	BM Địa chính	17M026	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2017	1	
018	BM Địa chính	22C535-536	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	2	
018	BM Địa chính	08C468	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
018	BM Địa chính	07G112	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2007	1	
018	BM Địa chính	07G159	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M114-116	Bộ nạp pin cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C827-829	Chân máy bằng nhôm cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C830-832	Đế máy có dọi tâm quang học cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1218-1232	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	98M096	Máy đo diện tích	Cai		1998	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M111-113	Pin trong cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1423	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	16M228	Bàn họp ovan mặt kính	Cái	VN	2016	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C197-198	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C235-237	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C086	Bàn TP 2m chữ L có hộc	Cái	VN	2019	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G136	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C199	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C502	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	20C440	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	Malaysia	2020	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C734-738	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15C946-957	Ghế gấp	Cái	VN	2016	12	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G288	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C692	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C238-241	Ghế xoay HP	Cái	VN	2019	4	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15M031	Máy in Canon 6200d	Bộ	ĐNA	2015	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M022	Máy in đa năng canon 3010	Cái	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	02M131	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C487-488	Quạt cây vinawind	cái	VN	2014	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	12C681	Tủ kính	Cái	VN	2012	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C232-234	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	04G033	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C458	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	09C321	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	03C181-182	Ban sat thi nghiem	Cai	VN	2003	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C403	Bộ mũi khoan gia công kim loại	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C360	Bơm pittong hướng trục A10VG	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C359	Bơm pittong hướng trục A4V	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C361	Bơm pittong hướng trục nghiêng	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M060-061	Giá sắt 5 tầng	Chiếc	VN	2017	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C955	Hộp giảm tốc khai triển 2 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C956	Hộp giảm tốc trục vít 1 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	889	Kính hiển vi PME	Cai	Nhat	1976	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	882	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1970	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	883	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	884	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C292	Máy cắt Etop - SL355 (tumua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C294	Máy hàn BTEC - MMA200 (tumua)	Máy	Nhật Bản	2017	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M124	Máy khoan bàn Hồng Ký - KC10 (tumua)	Máy	VN	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C293	Máy mài cầm tay Etop - XH9101 (tumua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11M053	Máy vi tính E5500	Bo	DNA	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C400	Pa lăng xích nâng hạ bằng tay kt 3x2x3(m)	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C141-142	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-450	Cái	VN	2020	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C139-140	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-750	Cái	VN	2020	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C357	Thùng dầu hoàn thiện (Thùng dầu, bom, động cơ, van)	Bộ	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C402	Thước kẹp cơ Mitutoyo 530-312	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C401	Thước kẹp điện tử Mitutoyo 500 -753-20	Chiếc	NB	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C362	Tủ bảo vệ kính hiển vi	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C358	Tủ điện điều khiển	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22C542	Tủ hồ sơ 2 cánh mở	Chiếc	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22C541	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	21C646-647	Tủ sắt 2 cánh	Chiếc	VN	2021	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14C643	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2023
KHOA: TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M227	Bo lien ket song radio Trim450s	Bo	My	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	13M141	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	23M203	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M230-231	Kính lập thể	Cai	Nhat	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M314	Máy đo sâu hồi âm ch/x cao ODOM	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M312	Máy thủy bình điện tử DL101C	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	23M204	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M236-237	Máy toàn đạc TC-305	Cai	My	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M235	Trạm định vị vệ tinh GPS4600LS	Bo	My	2007	1	
011	BM Bản đồ	13M142	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
011	BM Bản đồ	14M146	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011	BM Bản đồ	14M168	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M156	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M093	Máy GPS một tần số L1/12 kênh, Trimble R3 (kèm phụ kiện)	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M125	Máy GPS một tần số L1/12 kênh hiệu Trimble R3	Bộ	LD	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M067	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	KT137	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1997	1	
012	Tổ máy trắc địa	17M111	Máy chinh chục 3 ống (tumua)	Cái	TQ	2017	1	
012	Tổ máy trắc địa	18M075a	Máy chinh tâm phát	Cái	TQ	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	07M207	Máy chinh tần số DS1100CEZ	Cai	HQ	2007	1	
012	Tổ máy trắc địa	11DA062-065	Máy định vị vệ độ chính xác cao TRIMBLER3	Cai	Mexico	2011	4	
012	Tổ máy trắc địa	23DA001-004	Máy định vị vệ tinh I83 GNSS, hiệu CHC	Bộ	TQ	2023	4	
012	Tổ máy trắc địa	04DA133-137	Máy kinh vĩ quang cơ 3T5KP	Bo	Nga	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	02M233-237	Máy kinh vĩ quang cơ THEO 020B	cai	Duc	2002	5	
012	Tổ máy trắc địa	99M180	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	99M181	Máy thủy bình Ni 004	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	00M049-056	Máy thủy bình FG040	Cai	Duc	2000	8	
012	Tổ máy trắc địa	01M254-255	Máy thủy bình FG-040	Cai	Duc	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	08M358-361	Máy thủy chuẩn NA2 Leica va pk	Bo	TQ	2008	4	
012	Tổ máy trắc địa	99M027-028	Máy thủy chuẩn Ni 004	Cai	Duc	1999	2	
012	Tổ máy trắc địa	15M007	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	ĐNA	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	20M071	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	06DA031	Máy toàn đạc điện tử GTS 336BN	Cai	TQ	2006	1	
012	Tổ máy trắc địa	09DA018-020	Máy toàn đạc điện tử GTS235N	Bo	Nhat	2009	3	
012	Tổ máy trắc địa	22M045	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
012	Tổ máy trắc địa	20M060	Mia Invar (3m)	Đôi	Mỹ	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	15M133	Tủ nhôm kính đặt máy trắc địa	Cái	VN	2015	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	13M303	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	22M063-064	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA092	Đầu phát Laser	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	23M241	Điều hòa 1 chiều 24.000BTU Sumikura	Bộ	Malaysia	2023	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	98M110	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1998	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA095	Hệ gương động + Cố định	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA094	Hệ ray	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04M066	Máy định vị cầm tay	Bo	My	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	97M199-200	Máy định vị GPS Trimble 4600L	Cai	My	1997	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02M240	Máy định vị GPS Trimble 4600L	cai	My	2002	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA093	Máy giao thoa	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA096	Phần mềm đo giao thoa	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	94M044	TBi kiểm định thước inva 24m	Cai	Nga	1994	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	99M171	Thiết bị đo nhiệt	Cai		1999	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	96M122	Thiet bi kiem dinh Inva 1m	Bo	Nga	1996	1	
014	BM Trắc địa Mô	15M156	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mô	09DA044	Máy tính xách tay Lenovo Thinkpad	Cai	TQ	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA048	Máy cho hướng Laser hầm lò	Cai	VN	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA046-047	Máy toàn đạc điện tử Laser đo hầm lò	Bo	Thuysy	2009	2	
014.1	PTN Trắc địa Mô	93M077	Mô hình vật liệu tương đương	Cai	VN	1993	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA045	Phần mềm lập bản đồ va klg Mo	Bo	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M285	Bai thuc tap da nganh Trac Dia	Bai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M059	Điều hòa Sumikura 18.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M058	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	23M022	Máy chiếu đa năng NEC NP-VE304G	Cái	TQ	2023	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08M083	Máy chiếu projector panaso,man	Bo	Nhat	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13M031	Máy chủ IBM System x 3500 M4-BM ĐC	Chiếc	ĐNA	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	04TT060-061	Máy định vị GPS tan so don TĐCC	Cai	Nhat	2004	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	23M236	Máy Photocopy Ricoh MP 2014AD	Chiếc	TQ	2023	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22M027	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	21M031	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M188	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16M008	Máy tính G3250 LCD 19" HP (Hà)	Bộ	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M068	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	21M018	Điều hòa Funiki 18000BTU	Bộ	Thái Lan	2021	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA120	Hệ thống phần mềm đo ảnh Hexagon Geospatial Educational Desktop Core Level 2 (15 seats)	Bộ	Anh	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA124	Máy quét Laser 3D Faro FOCUS 3D X130	Chiếc	Đức	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA067-068	Máy thủy chuẩn loại 1 Trimble DiNi 0.7	Chiếc	Đức	2017	2	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA073-089	Máy thủy chuẩn loại 3 Topcon AT-B3A/x	Chiếc	TQ	2017	17	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA069-072	Máy thủy chuẩn loại Topcon/Sokkia 2 SDL50	Chiếc	Nhật bản	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA110-119	Máy tính chuyên dụng phục vụ công tác đo đạc ảnh HP Z240	Bộ	Singapo	2017	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA090-109	Máy tính phục vụ đào tạo HP Pavilion 570-p0211 (Z8H79AA)	Bộ	TQ	2017	20	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA122	Máy tính xách tay đồ họa chuyên dụng HP Zbook 17 G3 (M9L94AV)	Bộ	TQ	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA049-053	Máy toàn đạc điện tử loại 1 Trimble M1	Chiếc	Nhật bản	2017	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA054-062	Máy toàn đạc điện tử loại 2 Sokkia CX-55/SG	Chiếc	Nhật bản	2017	9	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA063-066	Máy toàn đạc điện tử loại 3 Leica TS06 plus-5' R500	Chiếc	Singapo	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA123	Máy trạm workstation để xử lý dữ liệu trong phòng HP Z240 (L8T12AV)	Bộ	Singapo	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA121	UAV loại cất cánh thẳng Trimble ZX5	Bộ	Đức	2017	1	
016	BM Trắc địa công trình	02M058	Điều hòa tủ LG-44000BTU	Cai	VN	2002	1	
016	BM Trắc địa công trình	13M304	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M153	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M095	Máy chiếu đứng	Cai	Thụy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA066	Máy định vị vệ tinh DGP STRIMBLE SPS531	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M094	Máy đo dài	Cai	Thụy sy	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA067	Máy đo sâu hồi âm 1 tần số ODOM	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M191	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	15M186	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	02DA241	Máy toàn đạc điện tử TCR705	cai	Thụy si	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	06DA352	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	13M143	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	23M198-199	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	20M067	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M264	Máy vi tính Acer Mo 15"	Bo	DNA	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	05M145	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	99M173	Bài thực tập TDPT	Bai	VN	1999	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	96M166	Ban so hoa Calcom A1	Cai	My	1996	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M087	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis 2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M086	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis1	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	97M147	Chan ban so hoa	Cai	My	1997	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06DA353	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M092	Máy chiếu projectorSonyVPLCX12	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M089	Máy chủ IBM X3650	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA191	Máy định vị Trimble R7	Bo	My	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA194	Máy GPS cam tay	Cai	Mexico	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M091	Máy in mau kho Ao HP D500C7770	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M095	Máy thuy binh so DL101C	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA193	Máy tính xách tay Dell	Cai	Malaixia	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA195	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapor	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA204	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M090	Máy tính xách tay ThinkpadT400	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M096	Máy toan dac dien tu GPT 7502	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA192	Máy toan dac dien tu TrimbleS6	Bo	My-Duc	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA199-201	Máy vi tính chuyên dụng	Bo	DNA	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M093	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA196	Phần mềm thành lập bản đồ	Bo	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M088	Phần mềm Web-Gis IM9.2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA197	Thiết bị mạng	Bo	TQ	2007	1	
018	BM Địa chính	95M079	Điều hòa 2 cục 1 chiều Nationa	Cai	Nhat	1995	1	
018	BM Địa chính	15M105	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Cái	VN	2015	1	
018	BM Địa chính	13M140	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
018	BM Địa chính	02DA249	Máy in mau kho Ao	cai	Singapo	2002	1	
018	BM Địa chính	99M182	Máy quét GT12000+CD write	Cai		1999	1	
018	BM Địa chính	23M200	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
018	BM Địa chính	15M182	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
018	BM Địa chính	09M010	Máy vi tính DELL	Bo	TQ	2009	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M105	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M129	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M141	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M152	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	23M201	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M189	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	02M196	Máy toàn đạc điện tử GTS-229	cai	Nhat	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M159	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	21M020	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	22M065	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	11DA080	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA339	Bộ nguồn cung cấp FME00	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14M236	Bộ thiết bị thí nghiệm thủy lực	Bộ		2014	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA340	Bo TN Dap tran FME02	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA077	Camera ky thuat so EC3	Cai	Sigapore	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA076	Kính hiển vi kim tướng DM2500Leica	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20M075	Máy cắt plasma mini Jasic CUT 60	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA078	Máy đo độ cứng vi te baoHV1000	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24M163	Máy đo độ rung cầm tay VM-63C RION	Cái	Nhật Bả	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	23M221	Máy hàn MIG 50 - 250 A Model: LG welder MIG250S	Chiếc	VN	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M056	Máy in 3D NP/QK MID	Cái	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	21M016	Máy khoan phay cỡ nhỏ, điều khiển bán tự động ZX70040BSN	Chiếc	VN	2021	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA079	Máy mài và đánh bóng kim loại A3HA	Cai	Dailoan	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M055	Máy phay CNC Mini UH5052 - V1	Máy	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22M081	Máy tiện vạn năng Howa strong 650	Chiếc	Nhật Bả	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M024	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22M066	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA342	TB đo tổn thất cục bộ FME05	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA344	TB đo tổn thất dọc dòng FME07	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA341	TB TN Ptrinh Becnulli FME03	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA343	TB TN Reynold FME06	Bo	TBN	2005	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
010	BM Đo ảnh viễn thám	17C350-353	Bàn 1,2m HP	Cái	VN	2017	4	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C196	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C485	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C298-303	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS003	Ban vi tinh foc	Cai	VN		1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M228	Bo acquy 6AH	Bo	Nhat	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C089-102	Bo luu du lieu anh so HNoi	Bo	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10C654-663	Ghe gap			2010	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	12C128-137	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C791-796	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS013	Ghe tua xoay	Cai			1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C459	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C195	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C470	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	09C316	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G058	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	Vn	2003	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G035	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M348	Ban lam viec co trung	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C651-660	Bình đồ ảnh	T	VN	2012	10	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C647-650	Màn hình CRT Dell 17"	Chiếc	VN	2012	4	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M306	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M307	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	10BS001	Tu sat canh kinh	Cai	VN		1	
011	BM Bàn đồ	14C986	Bản hợp	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bàn đồ	15C070	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14C981-983	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bàn đồ	14C1201-1203	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bàn đồ	15C071-076	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
011	BM Bàn đồ	15C894	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
011	BM Bàn đồ	08C150-155	Ghe gap	Cai	VN	2008	6	
011	BM Bàn đồ	14C1019-1033	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
011	BM Bàn đồ	14C1191-1200	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
011	BM Bàn đồ	03G066	Ghe tua Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	10	
011	BM Bàn đồ	14C1256-1257	Ghế xoay	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bàn đồ	15C078	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14M169	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
011	BM Bàn đồ	15M201	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
011	BM Bàn đồ	16M189	Máy in màu Cannon Pixma IX6770	Chiếc	Thái Lan	2016	1	
011	BM Bàn đồ	08M150	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
011	BM Bàn đồ	01M074	On ap Lioa	Cai	VN	2001	1	
011	BM Bàn đồ	15C077	Tủ kính	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bàn đồ	14C993	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bàn đồ	04G025	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
011	BM Bàn đồ	10C498	Tu sat 8 canh			2010	1	
011	BM Bàn đồ	14C994-995	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bàn đồ	11C216	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
011	BM Bàn đồ	02G010	Tu sat canh mo	cai	VN	2002	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	14M126	Máy định vị vệ tinh GPS Map 62	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	18M068	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
011.1	PTN Công nghệ Bàn đồ	03G037	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C347	Ban chinh may may kinh vi	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C006	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C439	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C408-409	Bản làm việc	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C035	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C120	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	05G027	Ban sua chua may	Cai	VN	2005	1	
012	Tổ máy trắc địa	04G020	Ban vi tinh	Cai	Vn	2004	2	
012	Tổ máy trắc địa	01C063	Bo dung cu sua may trac dia	bo	VN	2001	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C310-313	Cáp trút số liệu	Cái		2012	4	
012	Tổ máy trắc địa	10C801-805	Chan may kinh vi go Nga	Cai	Nga	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C796-800	Chan may kinh vi go TQ	Cai	TQ	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	09C375-384	Chan may thuy binh	Cai	TQ	2009	10	
012	Tổ máy trắc địa	08C276-286	Chan may thuy chuan	Cai	TQ	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15M086	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	02C028	Dieu khien dieu hoa	cai	LD	2002	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C526-535	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15C427-438	Ghế gấp	Cái	VN	2015	12	
012	Tổ máy trắc địa	08C800	Gia sat	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C318-323	Hom may 3T5K bang go	Cai	TQ	2008	15	
012	Tổ máy trắc địa	07C073-080	Hom may Ni004	Cai	TQ	2007	8	
012	Tổ máy trắc địa	03C140	Khoan dien cam tay	Cai	Duc	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	13M130	Máy hút âm Aikyo	Bộ	ĐNA	2013	1	
012	Tổ máy trắc địa	16M224	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2016	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
012	Tổ máy trắc địa	23C001	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Chiếc	VN	2023	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M111	Máy kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M112	Máy kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	95M180-182	Máy Kinh vi Theo 020B	Cai		1995	3	
012	Tổ máy trắc địa	10C816	Máy mai kim loại	Cai	TQ	2010	1	
012	Tổ máy trắc địa	04DA097-101	Máy thuy chuan FG040	Bo	Duc	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C806-815	O che may	Cai	VN	2010	10	
012	Tổ máy trắc địa	00M247	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
012	Tổ máy trắc địa	01M048-049	Quat cay Vinawind	Cai	VN	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	13C368-371	Quạt trần		VN	2013	4	
012	Tổ máy trắc địa	15C382	Quạt treo tường Điện cơ Thống nhất	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C314-315	Sào gương, túi sào gương, ống thủy, quả gương, túi gương	Bộ		2012	2	
012	Tổ máy trắc địa	07C097-101	Thuoc thep	Cai	TQ	2007	4	
012	Tổ máy trắc địa	00G029	Tu de may khung nhom	Cai	VN	2000	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G051	Tu dung dung cu thi nghiem	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C121-122	Tủ kính	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G038	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C639-640	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C007-009	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
012	Tổ máy trắc địa	08C192	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C475	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C644-645	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	05G017	Tu sat nhieu ngan	Cai	VN	2005	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C256	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C188-189	Cap cap diem ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	08C719-723	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C044-053	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
013	BM Trắc địa cao cấp	09TT002-003	Máy dinhvi GPS2tangTopconGP100	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	23C004	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Chiếc	VN	2023	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	23C307	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Cái	TQ	2023	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	02M084	Máy va duong day dien thoai	Bo	VN	2002	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	20M227	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C190-192	Pin cap dien ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	3	
013	BM Trắc địa cao cấp	99G032	Tu ho so go	Cai	VN	1999	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	03G036	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	17C050-069	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	20	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	16C1104-1118	Ghế gấp	cái	VN	2016	15	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02C023-026	Gia sat de thiet bi kiem dinh	cai	VN	2002	4	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	01M187	Máy đo sau hoi am	Cai	Nhat	2001	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M115	Nguồn on ap	Bo	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	92M006	Thuoc Inva	Bo	Nga	1992	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M121	Tu sat	Cai	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	08C177	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G036	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G160	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
014	BM Trắc địa Mô	14C944-949	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	6	
014	BM Trắc địa Mô	12C482	Bàn làm việc 1,4m	Cái	VN	2012	1	
014	BM Trắc địa Mô	22C527-528	Bàn làm việc 1,6m + học	Bộ	VN	2022	2	
014	BM Trắc địa Mô	08C703-707	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
014	BM Trắc địa Mô	10C595-604	Ghe gap			2010	10	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
014	BM Trắc địa Mô	15M169	Máy in đa năng Canon MF211	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mô	01M004	Máy va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
014	BM Trắc địa Mô	08C685	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mô	14C935	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mô	10C924	Tu sat 2 canh kinh	Cai	VN	2010	1	
014	BM Trắc địa Mô	14C936	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mô	08C469	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mô	10C502	Tu sat 8 canh			2010	1	
014	BM Trắc địa Mô	12C495	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	13C940-949	Ghế gấp	Cái	VN	2013	10	
014.1	PTN Trắc địa Mô	07C130-133	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2007	2	
014.1	PTN Trắc địa Mô	95G056	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1995	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C182	Bản hợp	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C257	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C179-180	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22C514	Bàn làm việc 1,2m + hộc	Bộ	VN	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C390	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G056	Ban lam viec fooc	Cai	VN	2000	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	05BS004	Ban lam viec go	Cai			1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20G051BS	Ban lam viec Ovan	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C003	Ban lam viec TP 1,6m	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G132	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C181	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C497	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C049-055	Bảng tin ghim 1,27x2,36	Cái	VN	2016	7	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M022	Bộ salon gỗ	Bộ	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C689	Điện thoại KXTSC11	Cái	ĐNA	2015	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M031	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C011	Ghe da TP	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C391	Ghế da TP HP	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042C	Ghe gap	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G230-234	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C516-525	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C054-063	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C664-673	Ghe gap			2010	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C704-713	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G235	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C786-788	Ghế xoay	Cái	VN	2015	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22C333	Ghế xoay	Cái	Việt Nam	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	06G024-5C	Gia sach sat to	Cai	VN	2006	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M013	Man chieu 3 chan	Cai	Halan	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C011	Man chieu 3 chan Herin	Cai	DNA	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C088	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M076	Máy chiếu HP-A11	Cai	TQ	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M135	Máy chủ vi tính DTC	Bo	VN	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10M037	Máy in Cannon MF4320D	Cai	TQ	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M130	Máy in đa năng C70 Canon-T9	Cai	Nhat	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C386-387	Máy in đa năng Canon MF241D-T9	Cái	HQ	2020	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C103	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M229	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M204	Quạt cây điện cơ VINAWIND	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C328-	Quạt cây vinawind	Chiếc	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C127-128	Tủ sắt	Cái	VN	2015	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C178	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	12C671	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	13C124	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	13C119-121	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2013	3	
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	14C583-584	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	10C495	Tu sat canh kinh-T10			2010	1	
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	00G042	Tu sat canh kinh-T9	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	09C310	Tu sat kinh	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	07G014B	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TD-BĐ và QL đất đai	07G042A	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015.1	Khoa TD - BĐ và QLĐĐ	14C649-653	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	5	
015.1	Khoa TD - BĐ và QLĐĐ	18M028	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
015.1	Khoa TD - BĐ và QLĐĐ	14C666-675	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
015.1	Khoa TD - BĐ và QLĐĐ	18M016	Máy in đa năng Canon MF241D	chiếc	HQ	2018	1	
015.1	Khoa TD - BĐ và QLĐĐ	22C544	Tủ hồ sơ 2 cánh mở	Chiếc	VN	2022	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C985	Bàn họp	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	07G115-116	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C597-598	Bàn làm việc 1,2 m	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C980	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	04G019	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	1	
016	BM Trắc địa công trình	15C895	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C674-678	Ghe gap			2010	5	
016	BM Trắc địa công trình	14C632-633	Ghế gấp	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C1001-1012	Ghế gấp	Cái	VN	2014	12	
016	BM Trắc địa công trình	20C385	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
016	BM Trắc địa công trình	01M008	Máy va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
016	BM Trắc địa công trình	00M246	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C581-582	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C989-990	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	10C501	Tu sat 8 canh			2010	1	
016	BM Trắc địa công trình	12C584	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C490	Tu sat canh kinh			2010	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	07C124-126	Gia guong 3 chan	Cai	Thuy sy	2007	3	
016.1	PTN Trắc địa công trình	05M127-128	Guong don MPU5A	Cai	Nhat	2005	2	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050	Máy đo sau PS-7FL	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050B	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11C217	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C484	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS004-005	Ban lam viec 1 thung go dan	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	14C657-658	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS003	Ban lam viec fooc	Cai			1	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS007	Ban vi tinh	Cai			2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C212	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03G020-021	Ban vi tinh fooc	cai	VN	2003	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	09C064-073	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	10C749-753	Ghe gap			2010	5	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C714-723	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS009	Ghe tua go	Cai	VN	2000	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS004-006	Ghe tua go	Cai	VN		3	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083B	Máy dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	15M188	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	20C384	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03DA154	Máy in Laser HP1300	Cai	DNA	2003	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M153	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
017	BM Trắc địa phổ thông		Tủ sắt 18 cánh	cai	VN	2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C672	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	04G024	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	00G041	Tu sat cao 2 m	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M076	Tủ thiết bị văn phòng	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G169-170	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G084-085	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G171-173	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G099	Bang fooc	Cai	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M094	Bo luu dien UPS Santak 1KV	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G086-096	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G097-098	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA198	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	Cai	TQ	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06C055	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	05BS006	Quat tran	Cai	VN		1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	17BS010	Quat tran	Cai			1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03BS001	Tu dung go 2 buong	Cai	VN	2000	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03G059	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G174-176	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	3	
018	BM Địa chính	07C111-112A	Chan de guong nhom	Cai	TQ	2007	2	
018	BM Địa chính	07C107-108	De guong co doi tam	Cai	Nhat	2007	2	
018	BM Địa chính	07G154-158	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
018	BM Địa chính	17M026	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2017	1	
018	BM Địa chính	23C308	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Cái	TQ	2023	1	
018	BM Địa chính	22C535-536	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	2	
018	BM Địa chính	08C468	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
018	BM Địa chính	07G112	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2007	1	
018	BM Địa chính	07G159	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M114-116	Bộ nạp pin cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C827-829	Chân máy bằng nhôm cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C830-832	Đế máy có dọi tâm quang học cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1218-1232	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	98M096	Máy đo diện tích	Cai		1998	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M111-113	Pin trong cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1423	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	16M228	Bàn hợp ovan mặt kính	Cái	VN	2016	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C197-198	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C235-237	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C086	Bàn TP 2m chữ L có hộc	Cái	VN	2019	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G136	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C199	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C502	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	20C440	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	Malaysia	2020	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C734-738	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15C946-957	Ghế gấp	Cái	VN	2016	12	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G288	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C692	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C238-241	Ghế xoay HP	Cái	VN	2019	4	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15M031	Máy in Canon 6200d	Bộ	ĐNA	2015	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M022	Máy in đa năng canon 3010	Cái	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	02M131	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C487-488	Quạt cây vinawind	cái	VN	2014	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	12C681	Tủ kính	Cái	VN	2012	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C232-234	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	04G033	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C458	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	09C321	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	03C181-182	Ban sat thi nghiem	Cai	VN	2003	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	23C314	Biến tần động cơ 1 HP, Model KOC100-R75S2-B	Chiếc	VN	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C403	Bộ mũi khoan gia công kim loại	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C360	Bơm pittong hướng trục A10VG	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C359	Bơm pittong hướng trục A4V	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C361	Bơm pittong hướng trục nghiêng	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C428-429	Đồng hồ so điện tử 543-790-10 Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C430-433	Đồng hồ so kiểu cơ 2052A Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	4	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C465	Dụng cụ đo lỗ 511-723-20 Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C462-464	Dưỡng chuẩn kiểm ren 188-130 Mitutoyo	Cái	Trung Quốc	2023	3	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M060-061	Giá sắt 5 tầng	Chiếc	VN	2017	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C955	Hộp giảm tốc khai triển 2 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C956	Hộp giảm tốc trục vít 1 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C434-437	Khối V gá (theo cặp) KMV-50D Kanetec	Bộ	Nhật Bản	2023	4	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	889	Kính hiển vi PME	Cai	Nhat	1976	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	882	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1970	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	883	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	884	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C292	Máy cắt Etop - SL355 (tủ mua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	23C312	Máy cắt sắt loại đá 355 mm, Model KEN 7615NB	Chiếc	VN	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C294	Máy hàn BTEC - MMA200 (tủ mua)	Máy	Nhật Bản	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M124	Máy khoan bàn Hồng Ký - KC10 (tủ mua)	Máy	VN	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C293	Máy mài cầm tay Etop - XH9101 (tủ mua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	23C313	Máy nén khí 70L - 1,5HP, Model TM-OF550x2-70L	Chiếc	VN	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11M053	Máy vi tính E5500	Bo	DNA	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C400	Pa lăng xích nâng hạ bằng tay kt 3x2x3(m)	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C446-449	Panme đo ngoài cơ khí 193-111 Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	4	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C450-451	Panme đo ngoài điện tử chống nước 293-240-30 Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C141-142	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-450	Cái	VN	2020	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C139-140	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-750	Cái	VN	2020	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C357	Thùng dầu hoàn thiện (Thùng dầu, bom, động cơ, van)	Bộ	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C442-443	Thước cặp cơ khí530-109Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C438-441	Thước cặp cơ khí530-123Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	4	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C444-445	Thước cặp điện tử500-182-30Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C456-457	Thước đo laser khoảng cách GLM40Bosch	Cái	Trung Quốc	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C402	Thước kẹp cơ Mitutoyo 530-312	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C401	Thước kẹp điện tử Mitutoyo 500 -753-20	Chiếc	NB	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C362	Tủ bảo vệ kính hiển vi	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C358	Tủ điện điều khiển	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22C542	Tủ hồ sơ 2 cánh mở	Chiếc	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22C541	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	21C646-647	Tủ sắt 2 cánh	Chiếc	VN	2021	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14C643	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẾN 31/12/2024
KHOA: TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH								
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M227	Bo lien ket song radioTrim450s	Bo	My	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	13M141	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	23M203	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	TT006	Tivi Xiaomi EA65	Bộ	TQ	2024	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M230-231	Kính lập thể	Cai	Nhat	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M314	Máy đo sâu hồi âm ch/x caoODOM	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M312	Máy thủy bình điện tử DL101C	Cai	My	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	23M204	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M236-237	Máy toàn đạc TC-305	Cai	My	2007	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M235	Trạm định vị vệ tinh GPS4600LS	Bo	My	2007	1	
011	BM Bản đồ	13M142	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
011	BM Bản đồ	24M049	Máy tính đồng bộ MCC-P10482D78M22 + Màn hình: MCC 21.5" LED Full HD 2215HV	Bộ	VN	2024	1	
011	BM Bản đồ	14M146	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011	BM Bản đồ	14M168	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M156	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M093	Máy GPS một tần số L1/12 kênh, Trimble R3 (kèm phụ kiện)	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M125	Máy GPS một tần số L1/12 kênh hiệu Trimble R3	Bộ	LD	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M067	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	KT137	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1997	1	
012	Tổ máy trắc địa	17M111	Máy chinh chục 3 ống (tumua)	Cái	TQ	2017	1	
012	Tổ máy trắc địa	18M075a	Máy chinh tâm phát	Cái	TQ	2018	1	
012	Tổ máy trắc địa	07M207	Máy chinh tần số DS1100CEZ	Cai	HQ	2007	1	
012	Tổ máy trắc địa	11DA062-065	Máy định vị vệ độ chính xác cao TRIMBLER3	Cai	Mexico	2011	4	
012	Tổ máy trắc địa	23DA001-004	Máy định vị vệ tinh I83 GNSS, hiệu CHC	Bộ	TQ	2023	4	
012	Tổ máy trắc địa	04DA133-137	Máy kinh vĩ quang cơ 3T5KP	Bo	Nga	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	02M233-237	Máy kinh vĩ quang cơ THEO 020B	cai	Duc	2002	5	
012	Tổ máy trắc địa	99M180	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	99M181	Máy thủy bình Ni 004	Cai	Duc	1999	1	
012	Tổ máy trắc địa	00M049-056	Máy thủy bình FG040	Cai	Duc	2000	8	
012	Tổ máy trắc địa	01M254-255	Máy thủy bình FG-040	Cai	Duc	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	08M358-361	Máy thủy chuẩn NA2 Leica va pk	Bo	TQ	2008	4	
012	Tổ máy trắc địa	99M027-028	Máy thủy chuẩn Ni 004	Cai	Duc	1999	2	
012	Tổ máy trắc địa	15M007	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	ĐNA	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	20M071	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	06DA031	Máy toàn đạc điện tử GTS 336BN	Cai	TQ	2006	1	
012	Tổ máy trắc địa	09DA018-020	Máy toàn đạc điện tử GTS235N	Bo	Nhat	2009	3	
012	Tổ máy trắc địa	22M045	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
012	Tổ máy trắc địa	20M060	Mĩa Invar (3m)	Đôi	Mỹ	2020	1	
012	Tổ máy trắc địa	15M133	Tủ nhôm kính đặt máy trắc địa	Cái	VN	2015	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	13M303	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013	BM Trắc địa cao cấp	22M063-064	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA092	Đầu phát Laser	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	23M241	Điều hòa 1 chiều 24.000BTU Sumikura	Bộ	Malaysia	2023	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	98M110	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1998	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA095	Hệ gương động + Cố định	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA094	Hệ ray	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04M066	Máy định vị cầm tay	Bo	My	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	97M199-200	Máy định vị GPS Trimble 4600L	Cai	My	1997	2	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02M240	Máy định vị GPS Trimble 4600L	cai	My	2002	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA093	Máy giao thoa	Cai	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	04DA096	Phần mềm đo giao thoa	Bo	Nga	2004	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	94M044	TBi kiểm định thước inva 24m	Cai	Nga	1994	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	99M171	Thiết bị đo nhiệt	Cai		1999	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	96M122	Thiet bi kiem dinh Inva 1m	Bo	Nga	1996	1	
014	BM Trắc địa Mô	15M156	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mô	09DA044	Máy tínhxachtay LenovoThinkpad	Cai	TQ	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA048	Máy cho hướng Laser hầm lò	Cai	VN	2009	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA046-047	Máy toàn đạc điện tử Laser đo hầm lò	Bo	Thuysy	2009	2	
014.1	PTN Trắc địa Mô	93M077	Mô hình vật liệu tương đương	Cai	VN	1993	1	
014.1	PTN Trắc địa Mô	09DA045	Phần mềm lập bản đồ va klg Mo	Bo	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M285	Bai thuc tap da nganh Trac Dia	Bai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M059	Điều hòa Sumikura 18.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	17M058	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	23M022	Máy chiếu đa năng NEC NP-VE304G	Cái	TQ	2023	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08M083	Máy chiếu projector panaso,man	Bo	Nhat	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13M031	Máy chủ IBM System x 3500 M4-BM ĐC	Chiếc	ĐNA	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	04TT060-061	Máy định vị GPS tan so don_ TĐCC	Cai	Nhat	2004	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	23M236	Máy Photocopy Ricoh MP 2014AD	Chiếc	TQ	2023	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	24M083	Máy quét HP Scanjet enterprime Flow 7000 S3 Scanner 1YWTY_L2757A	Chiếc	TQ	2024	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22M027	Máy tính để bàn 2	Bộ	TQ	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	21M031	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M188	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16M008	Máy tính G3250 LCD 19" HP (Hà)	Bộ	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M068	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	21M018	Điều hòa Funiki 18000BTU	Bộ	Thái Lan	2021	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA120	Hệ thống phần mềm đo ảnh Hexagon Geospatial Educational Desktop Core Level 2 (15 seats)	Bộ	Anh	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA124	Máy quét Laser 3D Faro FOCUS 3D X130	Chiếc	Đức	2017	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA067-068	Máy thủy chuẩn loại 1 Trimble DiNi 0.7	Chiếc	Đức	2017	2	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA073-089	Máy thủy chuẩn loại 3 Topcon AT-B3A/x	Chiếc	TQ	2017	17	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA069-072	Máy thủy chuẩn loại Topcon/Sokkia 2 SDL50	Chiếc	Nhật bản	2017	4	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA110-119	Máy tính chuyên dụng phục vụ công tác đo đạc ảnh HP Z240	Bộ	Singapo	2017	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	17DA090-109	Máy tính phục vụ đào tạo HP Pavilion 570-p0211 (Z8H79AA)	Bộ	TQ	2017	20	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
015.1	Khoa TD - BD và QLDD	17DA122	Máy tính xách tay đồ họa chuyên dụng HP Zbook 17 G3 (M9L94AV)	Bộ	TQ	2017	1	
015.1	Khoa TD - BD và QLDD	17DA049-053	Máy toàn đạc điện tử loại 1 Trimble M1	Chiếc	Nhật bản	2017	5	
015.1	Khoa TD - BD và QLDD	17DA054-062	Máy toàn đạc điện tử loại 2 Sokkia CX-55/SG	Chiếc	Nhật bản	2017	9	
015.1	Khoa TD - BD và QLDD	17DA063-066	Máy toàn đạc điện tử loại 3 Leica TS06 plus-5' R500	Chiếc	Singapo	2017	4	
015.1	Khoa TD - BD và QLDD	17DA123	Máy trạm workstation để xử lý dữ liệu trong phòng HP Z240 (L8T12AV)	Bộ	Singapo	2017	1	
015.1	Khoa TD - BD và QLDD	17DA121	UAV loại cất cánh thẳng Trimble ZX5	Bộ	Đức	2017	1	
016	BM Trắc địa công trình	02M058	Điều hòa tủ LG-44000BTU	Cai	VN	2002	1	
016	BM Trắc địa công trình	13M304	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
016	BM Trắc địa công trình	TT003	Tivi Xiaomi EA65	Bộ	TQ	2024	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M153	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M095	Máy chiếu đứng	Cai	Thụy sỹ	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA066	Máy định vị vệ tinh DGP STRIMBLE SPS531	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	98M094	Máy đo dai	Cai	Thụy sỹ	1998	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11DA067	Máy đo sâu hồi âm 1 tần số ODOM	Cai	My	2011	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	14M191	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	15M186	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	02DA241	Máy toàn đạc điện tử TCR705	cai	Thụy sỹ	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	06DA352	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	13M143	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	23M198-199	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	20M067	Máy tính G5420 màn hình HP 19,5"	Bộ	ĐNA	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M264	Máy vi tính Acer Mo 15"	Bo	DNA	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	05M145	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	99M173	Bai thục tập TDPT	Bai	VN	1999	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	96M166	Ban so hoa Calcom A1	Cai	My	1996	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M087	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis 2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M086	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis1	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	97M147	Chan ban so hoa	Cai	My	1997	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06DA353	Điều hòa Trane MCX 060/TTK 060	bộ		2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M092	Máy chiếu projectorSonyVPLCX12	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M089	Máy chủ IBM X3650	Bo	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA191	Máy định vị Trimble R7	Bo	My	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA194	Máy GPS cam tay	Cai	Mexico	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M091	Máy in màu kho Ao HP D500C7770	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M095	Máy thủy bình số DL101C	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA193	Máy tính xách tay Dell	Cai	Malaixia	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA195	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapor	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA204	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M090	Máy tính xách tay ThinkpadT400	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M096	Máy toàn đạc điện tử GPT 7502	Bo	Nhat	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA192	Máy toàn đạc điện tử TrimbleS6	Bo	My-Duc	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA199-201	Máy vi tính chuyên dụng	Bo	DNA	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M093	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA196	Phần mềm thành lập bản đồ	Bo	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M088	Phần mềm Web-Gis IM9.2	Bo	My	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA197	Thiết bị mạng	Bo	TQ	2007	1	
018	BM Địa chính	95M079	Điều hòa 2 cục 1 chiều Nationa	Cai	Nhat	1995	1	
018	BM Địa chính	15M105	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
018	BM Địa chính	13M140	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
018	BM Địa chính	02DA249	Máy in mau kho Ao	cai	Singapo	2002	1	
018	BM Địa chính	99M182	Máy quét GT12000+CD write	Cai		1999	1	
018	BM Địa chính	23M200	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
018	BM Địa chính	15M182	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1	
018	BM Địa chính	09M010	Máy vi tính DELL	Bo	TQ	2009	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M105	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M129	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M141	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M152	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	23M201	Máy tính để bàn SingPC Hi510482-W	Bộ	VN	2023	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M189	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	02M196	Máy toàn đạc điện tử GTS-229	cai	Nhat	2002	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	24M041	Thiết bị bay không người lái model Mavie 3 Enterorise	Bộ	TQ	2024	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M159	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	21M020	Máy tính ĐNA AOC21,5"	Bộ	ĐNA	2021	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	22M065	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	11DA080	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA339	Bộ nguồn cung cấp FME00	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14M236	Bộ thiết bị thí nghiệm thủy lực	Bộ		2014	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA340	Bo TN Dap tran FME02	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA077	Camera ky thuat so EC3	Cai	Sigapore	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA076	Kính hiển vi kim tướng DM2500Leica	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20M075	Máy cắt plasma mini Jasic CUT 60	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA078	Máy đo độ cứng vi te baoHV1000	Cai	TQ	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24M162	Máy đo độ nhám Surfcom Touch 50 Accretech kèm + phần mềm	Bộ	Nhật Bả	2024	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24M163	Máy đo độ rung cầm tay VM-63C RION	Cái	Nhật Bả	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	23M221	Máy hàn MIG 50 - 250 A Model: LG welder MIG250S	Chiếc	VN	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M056	Máy in 3D NP/QK MID	Cái	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	21M016	Máy khoan phay cỡ nhỏ, điều khiển bán tự động ZX70040BSN	Chiếc	VN	2021	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11DA079	Máy mài và đánh bóng kim loại A3HA	Cai	Dailoan	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	18M055	Máy phay CNC Mini UH5052 - V1	Máy	VN	2018	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22M081	Máy tiện vạn năng Howa strong 650	Chiếc	Nhật Bả	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M024	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22M066	Máy vi tính FPT ELEADF229QG	Bộ	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA342	TB đo tổn thất cục bộ FME05	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA344	TB đo tổn thất dọc dòng FME07	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA341	TB TN Ptrinh Becnulli FME03	Bo	TBN	2005	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	05DA343	TB TN Reynold FME06	Bo	TBN	2005	1	
II. CÔNG CỤ LAO ĐỘNG NHỎ								
010	BM Đo ảnh viễn thám	17C350-353	Bàn 1,2m HP	Cái	VN	2017	4	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C196	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C485	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C298-303	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS003	Ban vi tinh foc	Cai	VN		1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	07M228	Bo acquy 6AH	Bo	Nhat	2007	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C089-102	Bo luu du lieu anh so HNoi	Bo	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10C654-663	Ghe gap			2010	10	
010	BM Đo ảnh viễn thám	12C128-137	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
010	BM Đo ảnh viễn thám	15C791-796	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6	
010	BM Đo ảnh viễn thám	10BS013	Ghe tua xoay	Cái			1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C459	Tu sat 2 canh	Cái	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C195	Tu sat 8 canh	Cái	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	08C470	Tu sat 8 canh	Cái	VN	2008	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	09C316	Tu sat 8 canh	Cái	VN	2009	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G058	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	Vn	2003	1	
010	BM Đo ảnh viễn thám	03G035	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	2	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M348	Ban lam viec co trung	Cái	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C651-660	Bình đồ ảnh	T	VN	2012	10	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	12C647-650	Màn hình CRT Dell 17"	Chiếc	VN	2012	4	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M306	On ap Lioa 20KVA	Cái	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	07M307	On ap Lioa 20KVA	Cái	VN	2007	1	
010.1	PTN Đo ảnh viễn thám	10BS001	Tu sat canh kinh	Cái	VN		1	
011	BM Bản đồ	14C986	Bản hợp	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bản đồ	15C070	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bản đồ	14C981-983	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bản đồ	14C1201-1203	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3	
011	BM Bản đồ	15C071-076	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6	
011	BM Bản đồ	15C894	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
011	BM Bản đồ	08C150-155	Ghe gap	Cái	VN	2008	6	
011	BM Bản đồ	14C1019-1033	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
011	BM Bản đồ	14C1191-1200	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
011	BM Bản đồ	03G066	Ghe tua Xuan Hoa gap	cai	VN	2003	10	
011	BM Bản đồ	14C1256-1257	Ghế xoay	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bản đồ	15C078	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bản đồ	14M169	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1	
011	BM Bản đồ	15M201	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
011	BM Bản đồ	24C332	Máy in HP LaserJet MFP M236sdw Printer, 1Y WTY_9YG09A	Chiếc	VN	2024	1	
011	BM Bản đồ	16M189	Máy in màu Cannon Pixma IX6770	Chiếc	Thái Lan	2016	1	
011	BM Bản đồ	08M150	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
011	BM Bản đồ	01M074	On ap Lioa	Cái	VN	2001	1	
011	BM Bản đồ	15C077	Tủ kính	Cái	VN	2015	1	
011	BM Bản đồ	14C993	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
011	BM Bản đồ	04G025	Tu sat 6 ngan	Cái	VN	2004	1	
011	BM Bản đồ	10C498	Tu sat 8 canh			2010	1	
011	BM Bản đồ	14C994-995	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
011	BM Bản đồ	11C216	Tu sat 8 ngan	Cái	VN	2011	1	
011	BM Bản đồ	02G010	Tu sat canh mo	cai	VN	2002	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	14M126	Máy định vị vệ tinh GPS Map 62	Bộ	Mỹ	2014	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	18M068	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1	
011.1	PTN Công nghệ Bản đồ	03G037	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C347	Ban chinh may may kinh vi	Cái	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C006	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C439	Bản hợp 2,4m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C408-409	Bản làm việc	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C035	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C120	Bản làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	05G027	Ban sua chua may	Cái	VN	2005	1	
012	Tổ máy trắc địa	04G020	Ban vi tinh	Cái	Vn	2004	2	
012	Tổ máy trắc địa	01C063	Bo dung cu sua may trac dia	bo	VN	2001	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C310-313	Cáp trút số liệu	Cái		2012	4	
012	Tổ máy trắc địa	10C801-805	Chan may kinh vi go Nga	Cái	Nga	2010	5	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
012	Tổ máy trắc địa	10C796-800	Chan may kinh vi go TQ	Cai	TQ	2010	5	
012	Tổ máy trắc địa	09C375-384	Chan may thuy binh	Cai	TQ	2009	10	
012	Tổ máy trắc địa	08C276-286	Chan may thuy chuan	Cai	TQ	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15M086	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	02C028	Dieu khien dieu hoa	cai	LD	2002	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C526-535	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
012	Tổ máy trắc địa	15C427-438	Ghế gấp	Cái	VN	2015	12	
012	Tổ máy trắc địa	08C800	Gia sat	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C318-323	Hom may 3T5K bang go	Cai	TQ	2008	15	
012	Tổ máy trắc địa	07C073-080	Hom may Ni004	Cai	TQ	2007	8	
012	Tổ máy trắc địa	03C140	Khoan dien cam tay	Cai	Duc	2003	1	
012	Tổ máy trắc địa	13M130	Máy hút ẩm Aikyo	Bộ	ĐNA	2013	1	
012	Tổ máy trắc địa	16M224	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2016	1	
012	Tổ máy trắc địa	23C001	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Chiếc	VN	2023	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M111	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	98M112	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1	
012	Tổ máy trắc địa	95M180-182	May Kinh vi Theo 020B	Cai		1995	3	
012	Tổ máy trắc địa	10C816	May mai kim loai	Cai	TQ	2010	1	
012	Tổ máy trắc địa	04DA097-101	May thuy chuan FG040	Bo	Duc	2004	5	
012	Tổ máy trắc địa	10C806-815	O che may	Cai	VN	2010	10	
012	Tổ máy trắc địa	00M247	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
012	Tổ máy trắc địa	01M048-049	Quat cay Vinawind	Cai	VN	2001	2	
012	Tổ máy trắc địa	13C368-371	Quạt trần		VN	2013	4	
012	Tổ máy trắc địa	15C382	Quạt treo tường Điện cơ Thống nhất	Cái	VN	2015	1	
012	Tổ máy trắc địa	12C314-315	Sào gương, túi sào gương, ống thủy, quả gương, túi gương	Bộ		2012	2	
012	Tổ máy trắc địa	07C097-101	Thuoc thep	Cai	TQ	2007	4	
012	Tổ máy trắc địa	00G029	Tu de may khung nhom	Cai	VN	2000	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G051	Tu dung dung cu thi nghiem	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	15C121-122	Tủ kính	Cái	VN	2015	2	
012	Tổ máy trắc địa	04G038	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C639-640	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	15C007-009	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3	
012	Tổ máy trắc địa	08C192	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	08C475	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
012	Tổ máy trắc địa	14C644-645	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2	
012	Tổ máy trắc địa	05G017	Tu sat nhieu ngan	Cai	VN	2005	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C256	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C188-189	Cap cap diem ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	08C719-723	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
013	BM Trắc địa cao cấp	09C044-053	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
013	BM Trắc địa cao cấp	09TT002-003	May dinhvi GPS2tangTopconGP100	Bo	Nhat	2004	2	
013	BM Trắc địa cao cấp	23C004	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Chiếc	VN	2023	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	23C307	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Cái	TQ	2023	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	02M084	Máy va duong day dien thoai	Bo	VN	2002	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	20M227	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	04C190-192	Pin cap dien ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	3	
013	BM Trắc địa cao cấp	99G032	Tu ho so go	Cai	VN	1999	1	
013	BM Trắc địa cao cấp	03G036	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	17C050-069	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	20	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	16C1104-1118	Ghế gấp	cái	VN	2016	15	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	02C023-026	Gia sat de thiết bị kiểm định	cai	VN	2002	4	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	01M187	Máy đo sau hồi âm	Cai	Nhat	2001	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M115	Nguồn on ap	Bo	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	92M006	Thuốc Inva	Bo	Nga	1992	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	95M121	Tu sat	Cai	VN	1995	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	08C177	Tu sat 2 cạnh	Cai	VN	2008	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G036	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
013.1	PTN Trắc địa cao cấp	07G160	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C944-949	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	6	
014	BM Trắc địa Mỏ	12C482	Bàn làm việc 1,4m	Cái	VN	2012	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	22C527-528	Bàn làm việc 1,6m + hộp	Bộ	VN	2022	2	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C703-707	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C595-604	Ghe gap			2010	10	
014	BM Trắc địa Mỏ	15M169	Máy in đa năng Canon MF211	Bộ	ĐNA	2015	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	01M004	Máy va dương dây điện thoại	Cai	VN	2001	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C685	Tu sat 2 cạnh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C935	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C924	Tu sat 2 cạnh kính	Cai	VN	2010	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	14C936	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	08C469	Tu sat 8 cạnh	Cai	VN	2008	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	10C502	Tu sat 8 cạnh			2010	1	
014	BM Trắc địa Mỏ	12C495	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	13C940-949	Ghế gấp	Cái	VN	2013	10	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	07C130-133	Thuốc thép 50m	Cai	Nhat	2007	2	
014.1	PTN Trắc địa Mỏ	95G056	Tu dụng cao 2m	Cai	VN	1995	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C182	Bàn họp	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C257	Bàn họp to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C179-180	Bàn làm việc	Cai	VN	2008	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22C514	Bàn làm việc 1,2m + hộp	Bộ	VN	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C390	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G056	Bàn làm việc fooc	Cai	VN	2000	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	05BS004	Bàn làm việc go	Cai			1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20G051BS	Bàn làm việc Ovan	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C003	Bàn làm việc TP 1,6m	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G132	Bàn vi tính	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C181	Bàn vi tính	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C497	Bàn vi tính	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C049-055	Bảng tin ghim 1,27x2,36	Cái	VN	2016	7	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14M022	Bộ salon gỗ	Bộ	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C689	Điện thoại KXTSC11	Cái	ĐNA	2015	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M031	Dương dây điện thoại	Bo	VN	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	01C011	Ghe đa TP	Cai	VN	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C391	Ghế đa TP HP	Cái	VN	2020	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042C	Ghe gap	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G230-234	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C516-525	Ghe gap	Cai	VN	2008	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C054-063	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C664-673	Ghe gap			2010	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C704-713	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G235	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C786-788	Ghế xoay	Cái	VN	2015	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	22C333	Ghế xoay	Cái	Việt Nam	2022	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	06G024-5C	Gia sạch sát to	Cai	VN	2006	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M013	Man chiếu 3 chân	Cai	Halan	2000	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C011	Man chieu 3 chan Herin	Cai	DNA	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	16C088	Màn chiếu điện Dalite 84x84 inch	Chiếc	ĐNA	2016	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	98M076	Máy chieu HP-A11	Cai	TQ	1998	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M135	Máy chủ vi tính DTC	Bo	VN	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10M037	Máy in Cannon MF4320D	Cai	TQ	2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	03M130	Máy in đa nang C70 Canon-T9	Cai	Nhat	2003	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20C386-387	Máy in đa năng Canon MF241D-T9	Cái	HQ	2020	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C103	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	20M229	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00M204	Quat cay dien co VINAWIND	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C328-	Quạt cây vinawind	Chiếc	VN	2014	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	15C127-128	Tủ sắt	Cái	VN	2015	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	08C178	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	12C671	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C124	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2013	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	13C119-121	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2013	3	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	14C583-584	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	10C495	Tu sat canh kinh-T10			2010	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	00G042	Tu sat canh kinh-T9	Cai	VN	2000	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	09C310	Tu sat kinh	Cai	VN	2009	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G014B	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai	07G042A	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C649-653	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	5	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M028	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	14C666-675	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	18M016	Máy in đa năng Canon MF241D	chiếc	HQ	2018	1	
015.1	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ	22C544	Tủ hồ sơ 2 cánh mở	Chiếc	VN	2022	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C985	Bàn họp	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	07G115-116	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C597-598	Bàn làm việc 1,2 m	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C980	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1	
016	BM Trắc địa công trình	04G019	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	1	
016	BM Trắc địa công trình	15C895	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C674-678	Ghe gap			2010	5	
016	BM Trắc địa công trình	14C632-633	Ghế gấp	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C1001-1012	Ghế gấp	Cái	VN	2014	12	
016	BM Trắc địa công trình	20C385	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
016	BM Trắc địa công trình	01M008	Máy va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1	
016	BM Trắc địa công trình	00M246	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	
016	BM Trắc địa công trình	14C581-582	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	14C989-990	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2	
016	BM Trắc địa công trình	10C501	Tu sat 8 canh			2010	1	
016	BM Trắc địa công trình	12C584	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1	
016	BM Trắc địa công trình	10C490	Tu sat canh kinh			2010	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	07C124-126	Gia guong 3 chan	Cai	Thuy sy	2007	3	
016.1	PTN Trắc địa công trình	05M127-128	Guong don MPU5A	Cai	Nhat	2005	2	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050	Máy đo sau PS-7FL	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	04M050B	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2004	1	
016.1	PTN Trắc địa công trình	11C217	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08C484	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS004-005	Ban lam viec 1 thung go dan	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	14C657-658	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS003	Ban lam viec fooc	Cai			1	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS007	Ban vi tinh	Cai			2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
017	BM Trắc địa phổ thông	08C212	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03G020-021	Ban vi tính fooc	cai	VN	2003	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	09C064-073	Ghe gap	Cai	VN	2009	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	10C749-753	Ghe gap			2010	5	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C714-723	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	03BS009	Ghe tua go	Cai	VN	2000	10	
017	BM Trắc địa phổ thông	17BS004-006	Ghe tua go	Cai	VN		3	
017	BM Trắc địa phổ thông	02M083B	Máy dien thoai	Cai	VN	2002	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	15M188	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	20C384	Máy in đa năng Canon MF241D	Cái	HQ	2020	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	03DA154	Máy in Laser HP1300	Cai	DNA	2003	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M153	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
017	BM Trắc địa phổ thông		Tủ sắt 18 cánh	cai	VN	2006	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	12C672	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	04G024	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1	
017	BM Trắc địa phổ thông	00G041	Tu sat cao 2 m	Cai	VN	2000	2	
017	BM Trắc địa phổ thông	08M076	Tủ thiết bị văn phòng	Cai	VN	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G169-170	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G084-085	Ban vi tính	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G171-173	Ban vi tính	Cai	VN	2007	3	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G099	Bang fooc	Cai	VN	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	08M094	Bo luu dien UPS Santak 1KV	Cai	TQ	2008	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G086-096	Ghe gap	Cai	VN	2007	10	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G097-098	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07DA198	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	Cai	TQ	2007	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	06C055	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	05BS006	Quat tran	Cai	VN		1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	17BS010	Quat tran	Cai			1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03BS001	Tu dung go 2 buong	Cai	VN	2000	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	03G059	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1	
017.1	PTN Bản đồ số địa hình	07G174-176	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	3	
018	BM Địa chính	07C111-112A	Chan de guong nhôm	Cai	TQ	2007	2	
018	BM Địa chính	07C107-108	De guong co doi tam	Cai	Nhat	2007	2	
018	BM Địa chính	07G154-158	Ghe gap	Cai	VN	2007	5	
018	BM Địa chính	17M026	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2017	1	
018	BM Địa chính	23C308	Máy in đa năng HP LaserJet MFP M236sdw	Cái	TQ	2023	1	
018	BM Địa chính	22C535-536	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	2	
018	BM Địa chính	08C468	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
018	BM Địa chính	07G112	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2007	1	
018	BM Địa chính	07G159	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M114-116	Bộ nạp pin cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C827-829	Chân máy bằng nhôm cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C830-832	Đế máy có dọi tâm quang học cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1218-1232	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	98M096	Máy đo diện tích	Cai		1998	1	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14M111-113	Pin trong cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3	
018.1	PTN Công nghệ Địa chính	14C1423	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	16M228	Bản hợp ovan mặt kính	Cái	VN	2016	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C197-198	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C235-237	Bàn làm việc 1,2m HP	Cái	VN	2019	3	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C086	Bàn TP 2m chữ L có hộc	Cái	VN	2019	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G136	Ban vi tính	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C199	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C502	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	20C440	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	Malaysia	2020	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C734-738	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15C946-957	Ghế gấp	Cái	VN	2016	12	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	07G288	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C692	Ghế xoay	Cái	VN	2014	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C238-241	Ghế xoay HP	Cái	VN	2019	4	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	15M031	Máy in Canon 6200d	Bộ	ĐNA	2015	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	13M022	Máy in đa năng canon 3010	Cái	ĐNA	2013	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	02M131	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2002	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	14C487-488	Quạt cây vinawind	cái	VN	2014	2	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	12C681	Tủ kính	Cái	VN	2012	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	19C232-234	Tủ kính HP	Cái	VN	2019	3	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	04G033	Tu sat	Cai	VN	2004	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	08C458	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1	
019	BM Kỹ thuật cơ khí	09C321	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2009	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C469	Bàn rà chuẩn6900-042Insize	Cái	Trung Quốc	2024	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	03C181-182	Ban sat thi nghiem	Cai	VN	2003	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	23C314	Biến tần động cơ 1 HP, Model KOC100-R75S2-B	Chiếc	VN	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C403	Bộ mũi khoan gia công kim loại	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C360	Bơm pittong hướng trục A10VG	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C359	Bơm pittong hướng trục A4V	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C361	Bơm pittong hướng trục nghiêng	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C468	Compa đo trong đồng hồ2222-25Insize	Cái	Trung Quốc	2024	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C470-471	Đồng hồ đo nhiệt độAR842A+SMARTSENSOR	Cái	Trung Quốc	2024	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C428-429	Đồng hồ so điện từ543-790-10Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C430-433	Đồng hồ so kiểu cơ 2052AMitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	4	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C465	Dụng cụ đo lỗ 511-723-20Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C466-467	Dụng cụ đo lỗ2322-60AInsize	Cái	Nhật Bản	2024	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C462-464	Dưỡng chuẩn kiểm ren 188-130Mitutoyo	Cái	Trung Quốc	2023	3	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C455	Dưỡng đo bước răng4860-112Insize	Cái	Trung Quốc	2024	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C454	Dưỡng đo bước răng4860-212Insize	Cái	Trung Quốc	2024	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M060-061	Giá sắt 5 tầng	Chiếc	VN	2017	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	Giasachtv	Giá sắt thấp	Cai	VN		2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C955	Hộp giảm tốc khai triển 2 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	16C956	Hộp giảm tốc trục vít 1 cấp	Cái	VN	2016	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C434-437	Khối V gá (theo cặp)KMV-50DKanetec	Bộ	Nhật Bản	2023	4	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	889	Kính hiển vi PME	Cai	Nhat	1976	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	882	Kính hiển vi XJB-1	Cai	TQ	1970	1	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	883	Kính hiển vi XJB-1	Cái	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	884	Kính hiển vi XJB-1	Cái	TQ	1975	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C474-475	Lò nung SX2-5-12Hunan	Cái	Trung quốc	2024	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C292	Máy cắt Etop - SL355 (tumua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	23C312	Máy cắt sắt loại đá 355 mm, Model KEN 7615NB	Chiếc	VN	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C472	Máy đo tốc độ vòng quay không tiếp xúc 461920EXTECH	Cái	Trung Quốc	2024	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C294	Máy hàn BTEC - MMA200 (tumua)	Máy	Nhật Bản	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17M124	Máy khoan bàn Hồng Ký - KC10 (tumua)	Máy	VN	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	17C293	Máy mài cầm tay Etop - XH9101 (tumua)	Máy	TQ	2017	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	23C313	Máy nén khí 70L - 1,5HP, Model TM-OF550x2-70L	Chiếc	VN	2023	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	11M053	Máy vi tính E5500	Bo	DNA	2011	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C400	Pa lăng xích nâng hạ bằng tay kt 3x2x3(m)	Bộ	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C446-449	Panme đo ngoài cơ khí 193-111Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	4	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C450-451	Panme đo ngoài điện tử chống nước 293-240-30Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C141-142	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-450	Cái	VN	2020	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C139-140	Quạt cây công nghiệp Vinawind QĐ-750	Cái	VN	2020	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C357	Thùng dầu hoàn thiện (Thùng dầu, bơm, động cơ, van)	Bộ	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C442-443	Thước cặp cơ khí 530-109Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C438-441	Thước cặp cơ khí 530-123Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	4	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C444-445	Thước cặp điện tử 500-182-30Mitutoyo	Cái	Nhật Bản	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C473	Thước đo cao cơ khí 1251-300Insize	Cái	Trung Quốc	2024	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C458-459	Thước đo độ sâu điện tử 2141-202AInsize	Cái	Malaysia	2024	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C460-461	Thước đo độ sâu đồng hồ 2342-202Insize	Cái	Trung Quốc	2024	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C452-453	Thước đo góc 2374-320Insize	Cái	Nhật Bản	2024	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	24C456-457	Thước đo laser khoảng cách GLM40Bosch	Cái	Trung Quốc	2023	2	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C402	Thước kẹp cơ Mitutoyo 530-312	Chiếc	VN	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	20C401	Thước kẹp điện tử Mitutoyo 500 -753-20	Chiếc	NB	2020	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C362	Tủ bảo vệ kính hiển vi	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	19C358	Tủ điện điều khiển	cái	VN	2019	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22C542	Tủ hồ sơ 2 cánh mở	Chiếc	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	22C541	Tủ hồ sơ 2 khoang	Chiếc	VN	2022	1	
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	21C646-647	Tủ sắt 2 cánh	Chiếc	VN	2021	2	

Mã đv	Đơn vị sử dụng	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng SS	Ghi chú
019.1	PTN Kỹ thuật cơ khí - thủy lực	14C643	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1	